

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI
HẢI DƯƠNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Địa chỉ:

Tầng 8, tòa nhà VG, số 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại:

0243 783 2121

Fax:

0243 783 2122

ĐƠN VỊ CPH:

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

Địa chỉ:

Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, Hải Dương

Điện thoại:

0220 3891 845

Fax:

0220 3891 845

Hải Dương - Tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa.....	3
2. Các văn bản chỉ đạo cổ phần hóa.....	3
PHẦN I: THỰC TRẠNG CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	4
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	11
1. Mục tiêu cổ phần hóa	11
2. Yêu cầu cổ phần hóa	11
3. Hình thức cổ phần hóa.....	12
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp cổ phần hóa.....	12
5. Phương án cơ cấu vốn điều lệ công ty như sau:	13
5.1. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.....	13
5.2. Cổ phần bán đấu giá công khai.....	15
5.3. Cổ phần bán ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên:	16
PHẦN III: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CP ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG	18
PHẦN THỨ IV: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG	19
PHẦN THỨ V: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA	19
PHẦN THỨ VI: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA.....	20
1. Thông tin về Công ty.....	20
1.1 Thông tin doanh nghiệp.....	20
1.2 Hình thức pháp lý.....	20
1.3 Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa.....	20
1.4 Mô hình tổ chức sau cổ phần hóa	21
1.5 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty.....	21
1.6 Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa:.....	24
PHẦN VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	26

CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo quyết định số 22/2015/QĐ-TTG ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các văn bản chỉ đạo cổ phần hóa

- Căn cứ Văn bản số 473/TTg-ĐMDN ngày 04/04/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT Hải Dương chuyển thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Văn bản số 895/UBND-VP ngày 11/04/2017 của chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT Hải Dương chuyển thành công ty cổ phần.

PHẦN I: THỰC TRẠNG CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về doanh nghiệp

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Dương; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 của UBND tỉnh Hải Dương.

Cơ quan chủ sở hữu: Sở Giao thông vận tải Hải Dương

Tên doanh nghiệp: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

Địa chỉ: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3891 845

Số tài Khoản: 46 010 000 000 739

Tại: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Dương

* Ngành nghề kinh doanh: Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ để cấp giấy chứng nhận ATKT và BVMT cho phương tiện cơ giới đường bộ.

* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

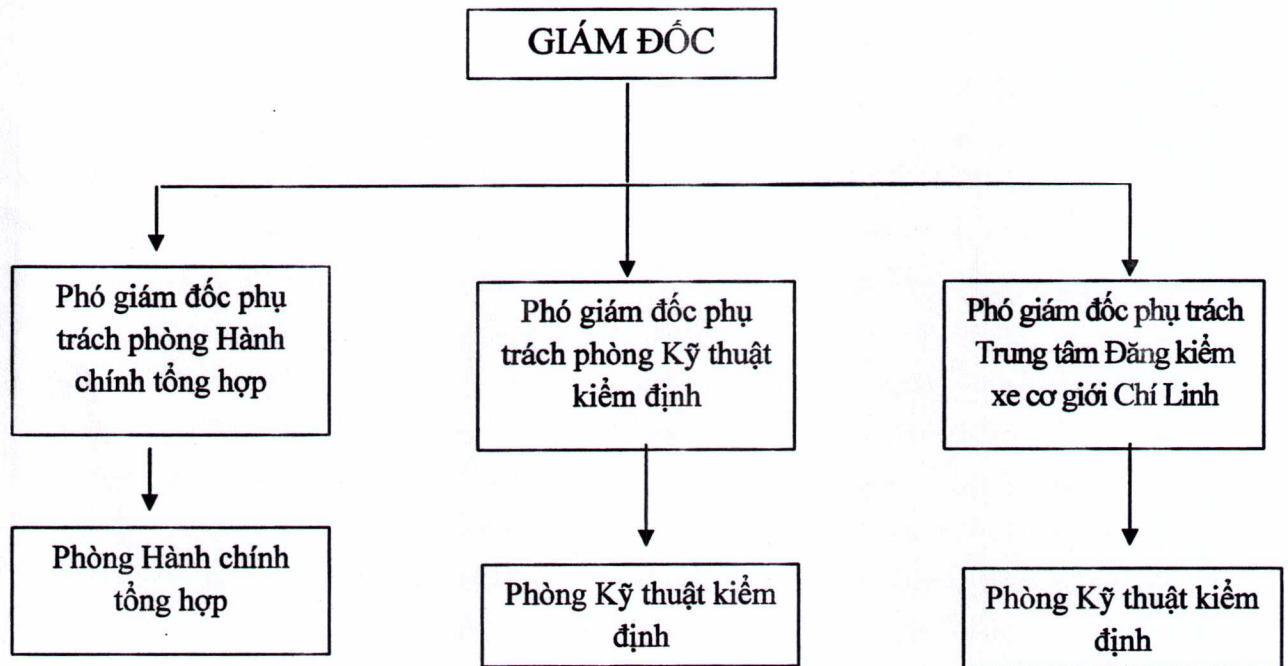
* Mã số thuế : 0800012519

2. Quá trình thành lập và phát triển

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương được thành lập theo Quyết định số 1134/QĐ-UB ngày 25/7/1995 của UBND tỉnh Hải Hưng về việc thành lập “Trạm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ” gọi tắt là “Trạm đăng kiểm ô tô” với số biên chế ban đầu là 05 cán bộ; đến năm 1997 tách tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh Hải Dương và Hưng Yên lúc đó Trạm Đăng kiểm ô tô Hải Dương có 07 cán bộ; Quyết định số 4922/2005/QĐ-UBND ngày 28/10/2005 của UBND tỉnh Hải Dương về việc đổi tên Trạm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ thành Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới thuộc Sở Giao thông vận tải.

Hiện nay, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương có 42 cán bộ, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 của UBND tỉnh Hải Dương như tổ chức thực hiện việc đăng kiểm, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ theo quy định.

3. Mô hình tổ chức



4. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

4.1.1 Giám đốc

Là người đứng đầu Trung tâm và chịu trách nhiệm trước Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở GTVT và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Sở GTVT và Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện các mặt hoạt động và thống nhất quản lý công tác chung của Trung tâm thông qua việc trực tiếp chỉ đạo, điều hành những vấn đề lớn, quan trọng (và các vấn đề khác trong trường hợp xét thấy cần thiết) trên tất cả các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành các mặt, lĩnh vực công tác theo quy định.

4.1.2 Phó Giám đốc

Được sử dụng quyền hạn của Giám đốc để chủ động, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết các công việc thuộc các lĩnh vực, phòng, bộ phận công tác được Giám đốc phân công; đề xuất hoặc báo cáo Giám đốc các điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được phân công và báo cáo Giám đốc các nội dung theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ được phân công, về duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính, đoàn kết nội bộ; chăm lo, phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí; về những vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng xảy ra ở các lĩnh vực, phòng, bộ phận, cá nhân phụ trách.

Thường xuyên theo dõi và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền được phân công và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các phòng, bộ phận, cá nhân; chủ động phối hợp để xử lý công việc.

Đề xuất với Giám đốc các phương thức, giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của Trung tâm đối với các lĩnh vực công tác được phân công.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ phận có liên quan thực hiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực mình phụ trách; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo Giám đốc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, pháp luật cho phù hợp.

Đối với các văn bản trình cấp trên do Giám đốc ký, Phó Giám đốc chỉ đạo phòng xây dựng dự thảo văn bản phải ký tắt vào văn bản đối với trường hợp Phó Giám đốc trực tiếp xây dựng dự thảo văn bản đề nghị Giám đốc xem xét, phê duyệt thì Phó Giám đốc phải ký tắt vào văn bản.

Phó Giám đốc không xử lý các vấn đề không được Giám đốc phân công và các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Phó Giám đốc.

Trách nhiệm báo cáo công tác của Phó Giám đốc với Giám đốc

Thường xuyên báo cáo về tình hình, kết quả giải quyết công việc theo nhiệm vụ được phân công, báo cáo những vấn đề đột xuất, mới phát sinh để giúp Giám đốc nắm bắt kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung.

Ngoài việc báo cáo liên quan đến các nội dung nêu trên, các Phó Giám đốc phải báo cáo kết quả công tác của mình tại cuộc họp của Lãnh đạo Trung tâm hoặc sau khi hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Ngoài các nhiệm vụ, lĩnh vực công tác cụ thể được phân công, các Phó Giám đốc có trách nhiệm quán xuyến hoạt động chung của Trung tâm để có thể đảm nhiệm các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

4.1.3 Phòng Hành chính tổng hợp:

Tăng cường đoàn kết thống nhất, phối hợp chặt chẽ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng:

- Mọi quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, những công việc được

5.3 Thực trạng về đất đai đang sử dụng

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hồ sơ pháp lý	Tình trạng sử dụng	Hình thức lựa chọn khi chuyển sang Công ty CP
1	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương - Đường Tân Dân, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương	11.005,6	Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương	Được cấp lâu dài, không thu tiền sử dụng đất	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
2	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới huyện Ninh Giang - Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	16.866	- Quyết định số 2530/QĐ-UBND và số 2531/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện Ninh Giang về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng xây dựng Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới huyện Ninh Giang	Được cấp lâu dài, không thu tiền sử dụng đất	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm
Tổng		27.871,6			

5.4 Thực trạng về tài chính, công nợ

Công nợ phải thu:

Nội dung	31/03/2017 VND
Các khoản phải thu khác	108.140.300
Tổng	108.140.300

Công nợ phải trả:

Nội dung	31/03/2017 VND
Phải trả người bán	35.935.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	514.558.000
Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	62.370.078
Tổng	612.863.078

5.5 Thực trạng về lao động tại thời điểm XDGTĐN 31/3/2017

Tổng số lao động: 42 người. Trong đó:

- Biên chế viên chức : 39 người
- Biên chế hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 01 người
- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng: 02 người

Phân theo trình độ

- Trình độ thạc sỹ: 07 người
- Trình độ đại học, cao đẳng: 34 người

Phân theo giới tính

- Nam: 27 người
- Nữ: 5 người

Chi bộ Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương: Có 20 đảng viên, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Sở Giao thông vận Hải Dương.

Công đoàn cơ sở Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương: Có 32 đoàn viên, Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành GTVT Hải Dương.

Đoàn Thanh niên Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương: Có 18 đoàn viên thanh niên, Chi đoàn Thanh niên Trung tâm trực thuộc Đoàn Thanh niên Sở Giao thông vận tải Hải Dương.

5.6 Đánh giá chung

Trong những năm qua, được sự quan tâm của UBND tỉnh Hải Dương, Sở giao thông vận tải Hải Dương, Trung tâm luôn được ưu tiên giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ kiểm định xe cơ giới và thu phí bảo trì đường bộ, cùng với sự nỗ lực của cán bộ, công nhân viên, Trung tâm luôn hoàn thành suất sắc nhiệm vụ, bảo toàn vốn của Nhà nước, đảm bảo việc làm, thu nhập và chế độ cho người lao động.

Cổ phần hóa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm hiện nay là hết sức phù hợp nhằm tăng năng lực mọi mặt cho Trung tâm phát triển bền vững, khẳng định thương hiệu trên thị trường.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Mục tiêu cổ phần hóa của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện tại và tương lai;
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai;
- Nâng cao vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và bảo đảm hài hòa quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Thu hồi một phần vốn Nhà nước đã đầu tư vào Trung tâm đồng thời từng bước tiến tới việc thu hồi toàn bộ vốn Nhà nước đã đầu tư vào Trung tâm;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của chủ sở hữu tại Trung tâm;
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển của Trung tâm sau cổ phần hóa;
- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động;
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Sau khi xem xét điều kiện thực tế của Trung tâm trong những năm gần đây về kiểm định xe cơ giới, doanh thu và năng lực tài chính tăng đều hàng năm, đảm bảo người lao động có công việc làm ổn định thu nhập cho người lao động và hướng dẫn tư mớ rộng sản xuất kinh doanh trong những năm tới của Trung tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và đảm bảo quyền lợi của người lao động và các cổ đông; Căn cứ vào Điều 3, Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương lựa chọn hình thức: Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp trong đó nhà nước giữ 49% vốn điều lệ.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số về việc xác định giá trị Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/3/2017 để cổ phần hóa như sau:

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Tại thời điểm 24h, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	1	2	3	4
Số hiệu số kế toán		Số hiệu xác định lại		Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	62.857.413.866	63.095.587.326	63.095.587.326	238.173.460
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	40.254.496.187	40.492.669.647	40.492.669.647	238.173.460
1. Tài sản cố định	37.150.672.487	37.296.250.220	37.296.250.220	145.577.733
a. TSCĐ hữu hình	31.952.734.487	32.098.312.220	32.098.312.220	145.577.733
- Nhà cửa vật kiến trúc	25.705.261.017	25.705.261.017	25.705.261.017	-
- Máy móc thiết bị	6.247.473.470	6.319.061.803	6.319.061.803	71.588.333
- Phương tiện vận tải	-	73.989.400	73.989.400	73.989.400
b. TSCĐ vô hình	5.197.938.000	5.197.938.000	5.197.938.000	-
2. Chi phí XD CB dở dang	3.103.823.700	3.103.823.700	3.103.823.700	-
3. Chi phí trả trước dài hạn	-	92.595.727	92.595.727	92.595.727
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	22.602.917.679	22.602.917.679	22.602.917.679	-
1. Tiền:	22.494.777.379	22.494.777.379	22.494.777.379	-
+ Tiền mặt tồn quỹ	8.212.518	8.212.518	8.212.518	-
+ Tiền gửi ngân hàng	22.486.564.861	22.486.564.861	22.486.564.861	-
2. Các khoản phải thu	108.140.300	108.140.300	108.140.300	-
B. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)	62.857.413.866	63.095.587.326	63.095.587.326	238.173.460
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mức A)	62.857.413.866	63.095.587.326	63.095.587.326	238.173.460
F1. Nợ thực tế phải trả	1.335.861.518	1.335.861.518	1.335.861.518	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp NSNN	-	-	-	-
F2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	110.281.000	110.281.000	110.281.000	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(F1+F2)]	61.411.271.348	61.649.444.808	61.649.444.808	238.173.460

Phương án Cổ phần hóa
Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp: 63.095.587.326 đồng

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước: 61.649.444.808 đồng

Căn cứ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

Dự kiến vốn điều lệ của Công ty CP đăng kiểm xe cơ giới HD là:
61.649.440.000 đồng

- Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng

- Tổng số cổ phần phát hành lần đầu: 6.164.944 cổ phần

- Giá khởi điểm: theo giá khởi điểm được phê duyệt

5. Phương án cơ cấu vốn điều lệ công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Hình thức mua cổ phần
1	Cổ phần Nhà nước	3.020.823	30.208.230.000	49,00%	
2	Cổ đông chiến lược	1.458.711	14.587.110.000	23,66%	Thỏa thuận
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.458.710	14.587.100.000	23,66%	Đấu giá trên sàn
4	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp.	226.700	2.267.000.000	3,68%	
4.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước.	37.900	379.000.000	0,61%	
4.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết	188.800	1.888.000.000	3,06%	
a	Cổ phần ưu đãi đối với lao động thông thường (200 cp/1 năm)	14.400	144.000.000	0,23%	
b	Cổ phần ưu đãi đối với lao động là lao động bậc cao (800 cp/1 năm)	174.400	1.744.000.000	2,83%	
5	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn	-	-	0,00%	
	Tổng cộng	6.164.944	61.649.440.000	100%	

Trình tự bán lần lượt như sau:

5.1. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Quyết định số 22 /2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

Trung tâm sẽ thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá công khai và bán ưu đãi cho người lao động để tạo điều kiện thuận lợi cho cổ phần hóa Trung tâm thành công vì nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực tài chính mạnh, thực sự quan tâm đến sự phát triển lâu dài của Công ty.

Tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược

Tiêu chí chung

Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền, trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty sau cổ phần hoá về: chuyên môn nghiệp vụ, quản trị doanh nghiệp, sử dụng và đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, thu hút nguồn vốn, phát triển doanh nghiệp;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Trung tâm cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Sau thời hạn 5 năm, nhà đầu tư chiến lược được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định, ưu tiên chuyển nhượng cho cổ đông hiện hữu của Công ty;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thoả thuận nào nhằm hoặc dẫn đến thiệt hại cho Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương sau cổ phần hoá, theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tiêu chí riêng

Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh về xe cơ giới ít nhất 05 năm, ưu tiên nhà đầu tư có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực kiểm định xe cơ giới đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Năng lực tài chính của nhà đầu tư chiến lược:

- + Có vốn chủ sở hữu tối thiểu là 25 tỷ đồng, có tài liệu chứng minh đủ nguồn vốn góp;
- + Có lợi nhuận sau thuế dương và không có lỗ lũy kế ít nhất 02 năm liên tiếp trước khi đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược;
- + Báo cáo tài chính chứng minh năng lực tài chính phải được kiểm toán 02 năm liên tiếp 2015, 2016 trước khi xin làm nhà đầu tư chiến lược.

Hồ sơ Nhà đầu tư chiến lược:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ);
- + Bản cam kết của người có thẩm quyền theo tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược trên;

- + Hồ sơ năng lực của tổ chức;
- + Các tài liệu thuyết minh (thông tin tài chính để chứng minh năng lực tài chính; thành tích đạt được trong các năm vừa qua; kinh nghiệm chuyên môn trong ngành về thị trường, sản phẩm; tài liệu thể hiện mối quan hệ hợp tác kinh doanh; chiến lược hoạt động phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, ...)

Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty:

Theo kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo tiêu chí được phê duyệt

Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Số lượng bán cho nhà đầu tư chiến lược là 1.458.711 cổ phần, tương đương 14.587.110.000 đồng, chiếm 23,66% vốn điều lệ

Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Theo kết quả thỏa thuận với nhà đầu tư chiến lược, nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được phê duyệt.

Thời gian hạn chế chuyển nhượng:

Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Đặt cọc:

Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

5.2. Cổ phần bán đấu giá công khai

Sau khi thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, Trung tâm thực hiện bán đấu giá công khai cổ phần. Cụ thể như sau:

- Tổ chức bán đấu giá cho các nhà đầu tư bên ngoài 1.458.710 cổ phần, tương đương 14.587.100.000 đồng, chiếm 23,66% vốn điều lệ.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Do số cổ phần bán đấu giá là 1.458.710 cổ phần, tương đương với số tiền là 14.587.100.000 đồng, vì vậy theo quy định tại Điều

37 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Trung tâm tổ chức bán đấu giá số cổ phần này tại Sở giao dịch chứng khoán.

- Giá khởi điểm: theo giá khởi điểm được phê duyệt.

Thời gian và phương thức bán:

Thời gian bán cổ phần dự kiến: Ngay sau khi phương án cổ phần hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Địa điểm: do Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét, quyết định

Sở giao dịch chứng khoán: do Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét, quyết định

Giá bán khởi điểm: theo giá khởi điểm được phê duyệt

5.3. Cổ phần bán ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên:

Theo quy định tại Điều 21, Quyết định số 22 /2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Thời điểm bán: sau khi bán cho nhà đầu tư chiến lược và tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu.

Tổng số lao động: 32 lao động.

Tổng số lao động được mua ưu đãi: 32 lao động

Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua ưu đãi: 226.700 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần người lao động được mua ưu đãi theo số năm làm việc tại khu vực Nhà nước là:

+ Số lượng bán: 37.900 cổ phần (Chi tiết tại phụ lục 02)

+ Giá bán là 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

- Số cổ phần người lao động thông thường được mua ưu đãi theo số năm cam kết làm việc kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là:

+ Số lượng bán: 14.400 cổ phần (Chi tiết tại phụ lục 03)

+ Giá bán là giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

- Số cổ phần lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua ưu đãi theo số năm cam kết làm việc kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu là:

+ Số lượng bán: 174.400 cổ phần (Chi tiết tại phụ lục 04)

+ Giá bán là giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược

+ Tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao như sau:

- Có tên trong danh sách thường xuyên của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp;
- Có cam kết làm việc lâu dài từ 5 năm trở lên sau khi cổ phần hóa Trung tâm;
- Cán bộ có trình độ sau đại học hoặc đại học chính quy chuyên ngành Điện tử viễn thông hoặc Đại học chuyên ngành đào tạo cơ khí ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật cơ khí trong chương trình đào tạo có các nội dung: Lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, động cơ đốt trong và điện ô tô hoặc các môn học tương đương.
- Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;
- Có giấy phép lái xe còn hiệu lực;
- Có thời gian công tác tại trung tâm từ 1 năm trở lên và đã được đào tạo và cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ đăng kiểm viên, có kinh nghiệm trong quá trình công tác, am hiểu về ngành nghề và lĩnh vực chuyên môn;
- Được Hội nghị viên chức, người lao động thông qua.

Phương án Cổ phần hóa
Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần:

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	61.649.440.000	(1)
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	61.649.444.808	(2)
3	Giá trị mệnh giá Nhà nước nắm giữ	30.208.230.000	(4)
4	Giá trị phần vốn Nhà nước cần được hoàn về	31.441.210.000	(5) = (2) - (4)
5	Tiền thu từ cổ phần hoá	31.289.610.000	(6=6.1+6.2+6.3)
5.1	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	29.174.210.000	(6.3)
5.2	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước	227.400.000	(6.1) = 60% giá bán cho nhà đầu tư chiến lược
5.3	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết của lao động thông thường và lao động bậc cao	1.888.000.000	(6.2)
6	Giá trị cổ phần bán cho CBCNV và bán đấu giá tính theo mệnh giá	31.441.210.000	(7)
7	Chi phí cổ phần hoá	418.000.000	(8)
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/ Vốn Điều lệ	-	(9)
9	Chi phí lao động dôi dư	-	(10)
10	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	30.871.610.000	(11=5-7 +6 -8-9-10)

Trong đó chi phí cổ phần hóa: sẽ được phê duyệt quyết toán theo quy định.

**PHẦN III: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
CP ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG**

Dự thảo Điều lệ được trình bày tại Phụ lục 05

PHẦN THỨ IV: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Trung tâm tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại 31/3/2017 là: 42 người.

- Số lao động chuyển công tác: 9 người.

- Số lao động nghỉ hưu: 1 người

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Trung tâm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại 27/11/2017 là: 32 người.

Trong đó:

- Lao động về nghỉ theo chế độ là: 0

- Lao động dôi dư là: 0

- Lao động tiếp tục ở lại làm việc tại công ty là: 32 người

Sắp xếp lao động sau cổ phần hoá tại 2 Trung tâm như sau:

- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương 4 dây chuyền kiểm định: 22 người.

+ Lãnh đạo: 2 người.

+ Đăng kiểm viên: 13 người.

+ Nhân viên nghiệp vụ: 7 người.

- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới huyện Ninh Giang: 10 người.

+ Lãnh đạo: 2 người.

+ Đăng kiểm viên: 4 người.

+ Nhân viên nghiệp vụ: 4 người.

(Chi tiết được trình bày tại mẫu số 10- Thông tư 35)

PHẦN THỨ V: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Công ty CP Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích hiện có của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương cụ thể như sau:

1. Lô đất tại Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

- Diện tích: 11.005,6 m²

- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc, TT đăng kiểm

- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

2. Lô đất tại Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Diện tích: 16.866 m²

- Mục đích sử dụng: Văn phòng làm việc, TT đăng kiểm
- Hình thức sử dụng: Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm

PHẦN THỨ VI: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3
NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin về Công ty

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Tên công ty khi cổ phần: Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

Tên tiếng Anh: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Joint Stock Company

Mã số đơn vị:

+ Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương – 34.01D

+ Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới huyện Ninh Giang – 34.03D

Trụ sở làm việc: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3891 845

Tài khoản số: 46 010 000 000 739

Tại: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hải Dương

1.2 Hình thức pháp lý

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý khác liên quan, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

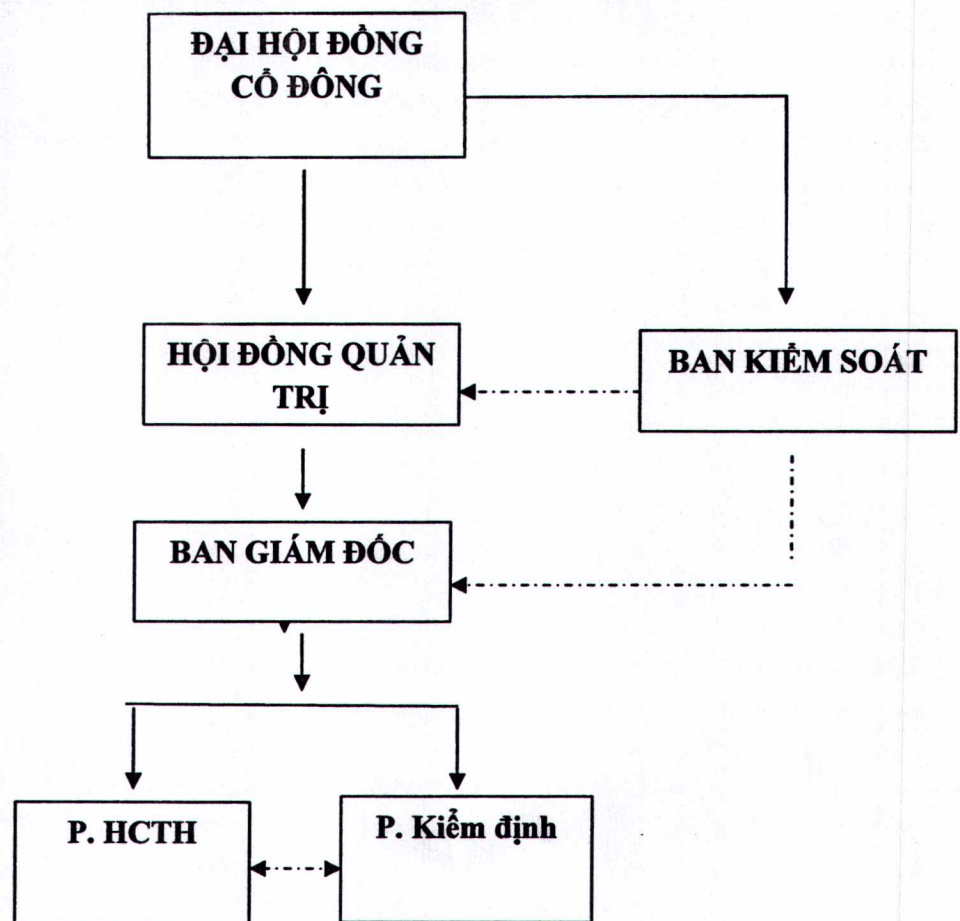
1.3 Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
2	Dịch vụ tư vấn, thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Nt
3	Nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Nt

Phương án Cổ phần hóa
Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

4	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị trong khai thác sử dụng, thiết bị nâng, thiết bị gắn phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Nt
5	Bán bảo hiểm xe cơ giới đường bộ	Nt
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	71200
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác	4530

1.4 Mô hình tổ chức sau cổ phần hóa



1.5 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty

• **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 102 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa XIII ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Giám đốc và các Phó giám đốc :

Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là Phó giám đốc (02 người).

- **Phòng Hành chính tổng hợp:**

Tăng cường đoàn kết thống nhất, phối hợp chặt chẽ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng:

- Mọi quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, những công việc được phân công, Phó Trưởng phòng chủ động, sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo Trưởng phòng theo quy định.

- Trưởng phòng là người đứng đầu phòng và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Trung tâm về toàn bộ hoạt động của phòng; chịu trách nhiệm báo cáo trước Giám đốc.

Lãnh đạo, điều hành toàn diện các mặt hoạt động và thống nhất quản lý công tác chung của phòng thông qua việc trực tiếp phụ trách lĩnh vực công tác thuộc chức năng,

nhiệm vụ của phòng và phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng phòng, giao nhiệm vụ giúp Trưởng phòng điều hành, thực hiện các mặt, lĩnh vực công tác theo quy định.

Khi vắng mặt và nếu thấy cần thiết, Trưởng phòng giao Phó Trưởng phòng thay mặt Trưởng phòng điều hành chung công việc của phòng và giải quyết các công việc do Trưởng phòng trực tiếp phụ trách.

Phó Trưởng phòng được sử dụng quyền hạn của Trưởng phòng để chủ động, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết và thực hiện các công việc thuộc các lĩnh vực, cán bộ, viên chức, người lao động được Trưởng phòng phân công; đề xuất hoặc báo cáo Trưởng phòng các điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi cần thiết hoặc vì tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Trưởng phòng có thể trực tiếp chỉ đạo xử lý công việc đã phân công cho Phó trưởng phòng, kết quả giải quyết công việc của Trưởng phòng sẽ thông báo cho Phó trưởng phòng biết để tiếp tục theo dõi, thực hiện.

• **Phòng Kỹ thuật kiểm định:**

Tăng cường đoàn kết thống nhất, phối hợp chặt chẽ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Đối với các văn bản trình cấp trên do Giám đốc ký và các văn bản thuộc lĩnh vực Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, cán bộ được giao nhiệm vụ dự thảo văn bản đề Lãnh đạo phòng thẩm định, ký tắt trước khi trình Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng:

- Mọi quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, những công việc được phân công, Phó Trưởng phòng chủ động, sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo Trưởng phòng theo quy định.
- Trưởng phòng là người đứng đầu Phòng và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Trung tâm về toàn bộ hoạt động của phòng; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Giám đốc.

Khi vắng mặt và nếu thấy cần thiết, Trưởng phòng giao Phó trưởng phòng thay mặt Trưởng phòng điều hành chung công việc của phòng và giải quyết các công việc do Trưởng phòng trực tiếp phụ trách.

Phó trưởng phòng được sử dụng quyền hạn của Trưởng phòng để chủ động, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết và thực hiện các công việc thuộc các lĩnh vực, cán bộ, viên chức được Trưởng phòng phân công; đề xuất hoặc báo cáo Trưởng phòng các điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi cần thiết hoặc vì tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Trưởng phòng có thể trực tiếp chỉ đạo xử lý công việc đã phân công cho Phó trưởng phòng, kết quả giải quyết công việc của Trưởng phòng sẽ thông báo cho Phó trưởng phòng biết để tiếp tục theo dõi, thực hiện.

Ngoài các nhiệm vụ, lĩnh vực công tác cụ thể được phân công, Phó trưởng phòng có trách nhiệm quán xuyến hoạt động chung của phòng để có thể đảm nhiệm các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng giao.

1.6 Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa:

1.6.1 Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa, với cơ chế quản lý mới, hoạt động theo Điều lệ công ty cổ phần, công ty muốn tồn tại và phát triển bền vững, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, từng bước mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Củng cố, phát huy những ngành nghề truyền thống như:
 - + Kiểm định an toàn kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.
 - + Cấp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo.
 - + Thu phí bảo trì đường bộ.
 - + Bán bảo hiểm cho xe cơ giới.
 - + Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, ...
- Đầu tư phát triển thêm một số sản phẩm và ngành nghề kinh doanh
- Đầu tư thêm một số máy móc, thiết bị mới, hiện đại nhằm tăng khả năng thực hiện các dịch vụ, năng lực cho Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương 34.01S.
- Giải pháp về tổ chức:
 - + Trước mắt giữ nguyên mô hình các bộ phận như cũ tại Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương 34.01S, sau một thời gian hoạt động, tùy theo điều kiện thực tế sẽ cơ cấu lại một cách hợp lý theo hướng tinh gọn bộ máy gián tiếp.
 - + Xây dựng tiêu chuẩn cho từng vị trí công tác qua đó tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng năng lực, trình độ người lao động để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn, hình thành đội ngũ lao động chuyên nghiệp phục vụ cho công ty.
 - + Xây dựng cơ chế trả lương khoa học trên cơ sở trả đúng năng lực, đóng góp của người lao động, động viên, khuyến khích, thu hút được người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, tâm huyết với nghề, gắn bó lâu dài vì sự phát triển của công ty.

1.6.2 Dự kiến kế hoạch 3 năm sau cổ phần hóa

- **Dự báo xu hướng của thị trường**

Tỉnh Hải Dương đang phấn đấu trở thành tỉnh công nghiệp, các thị trấn, thị tứ, khu đô thị sẽ phát triển, đặc biệt thành phố Hải Dương đang phát triển mạnh mẽ về mọi mặt và hướng tới trở thành đô thị loại I trước năm 2020, các khu công nghiệp hình thành và phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng cao đi kèm theo đó là các nhu cầu về dịch vụ đô thị, đây là những thị trường rất lớn phù hợp với các ngành nghề là thế mạnh của công ty, nắm bắt cơ hội, nhạy bén với thị trường kết hợp với một chiến lược sản xuất kinh doanh khoa học và linh hoạt, chắc chắn sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho công ty.

- **Mục tiêu phấn đấu thực hiện**

Trên cơ sở chỉ tiêu sẽ thực hiện trong những năm cổ phần hóa, kế hoạch của Sở Giao thông vận tải và Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương. Trong những năm tới mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh từng bước vững chắc, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn được vốn, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định việc làm, không ngừng đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

a. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh các năm tới (2018 - 2021)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn chủ sở hữu	62.321.440.000	63.041.440.000	63.809.440.000
2	Doanh thu	14.000.000.000	15.000.000.000	16.000.000.000
3	Tổng chi phí	9.800.000.000	10.500.000.000	11.200.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	4.200.000.000	4.500.000.000	4.800.000.000
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	840.000.000	900.000.000	960.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	3.360.000.000	3.600.000.000	3.840.000.000
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Điều lệ (%)	5,4%	5,7%	6,0%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	2.352.000.000	2.520.000.000	2.688.000.000
a	Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%	336.000.000	360.000.000	384.000.000
b	Chia cổ tức (60%)	2.016.000.000	2.160.000.000	2.304.000.000
c	Lợi nhuận để lại để tăng vốn (20%)	672.000.000	720.000.000	768.000.000
9	Tỷ suất cổ tức/Vốn cổ phần (%)	3,2%	3,4%	3,6%
10	Tổng quỹ lương	2.304.000.000	2.380.800.000	2.457.600.000
11	Thu nhập BQ người LĐ (đồng/người/th)	6.000.000	6.200.000	6.400.000
12	Số lao động bình quân trong năm	32	32	32

PHẦN VII: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Stt	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Thời điểm nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Thời điểm nhận quyết định phê duyệt giá khởi điểm	T+3
3	Thời điểm nhận quyết định phê duyệt tiêu chí nhà đầu tư chiến lược	T+3
4	Thời điểm nhận quyết định phê duyệt tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao	T+ 3
5	Thời điểm nhận quyết định phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư chiến lược	T+10
6	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và thu tiền mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược	T+20
7	Tổ chức đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T+45
8	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ, công nhân viên	T+50
9	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T + 52
10	Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu, thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần	T + 57
11	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T + 72
12	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị	T+ 80
13	Thực hiện quyết toán phân vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T+ 80

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hải Dương;
- Sở GTVT Hải Dương;
- Ban chỉ đạo CPH doanh nghiệp;
- Lưu: VT, HCTH; 3b.

GIÁM ĐỐC



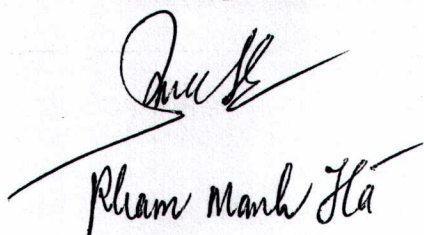
Lưu Văn Sơn

Phụ lục 2
CƠ QUAN BÀN UY ĐẠI CHO CBCNV THEO SỐ NĂM LÀM VIỆC TẠI KHU VỰC NHÀ NƯỚC
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIA TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 27/11/2017

TT	Họ và tên	Chức danh công việc đang làm	Ngày sinh	Số năm làm việc trong KV NN	CP ưu đãi
1	Lưu Văn Sơn	Giám đốc	11/17/1958	34	3,400
2	Vũ Văn Tuyên	Phó Giám đốc	4/30/1963	34	3,400
3	Hoàng Trọng Khuê	Phó Giám đốc	11/25/1962	37	3,700
4	Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	2/20/1981	11	1,100
5	Phạm Mạnh Hà	TP HCTH	6/10/1973	27	2,700
6	Phạm Thiên Thăng	Phó Trưởng phòng HCTH	3/10/1979	9	900
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nhân viên nghiệp vụ	4/10/1972	15	1,500
8	Vũ Kim Hùng	Nhân viên nghiệp vụ	1/4/1986	5	500
9	Phạm Thị Thiên Hương	Nhân viên nghiệp vụ	10/20/1984	8	800
10	Nguyễn Minh Đức	Nhân viên nghiệp vụ	7/31/1983	10	1,000
11	Phạm Thị Thu Thủy	Nhân viên nghiệp vụ	9/7/1991	4	400
12	Nguyễn Thị Thủy Dương	Nhân viên nghiệp vụ	7/14/1989	4	400
13	Nguyễn Thị Phương Mai	Nhân viên nghiệp vụ	10/1/1989	3	300
14	Nguyễn Công Tuấn	Nhân viên nghiệp vụ	5/31/1978	13	1,300
15	Trịnh Hùng Phương	Lái xe, kiểm bảo vệ	8/18/1970	16	1,600
16	Bồ Đức Lập	Trưởng phòng KTKĐ	6/1/1965	30	3,000
17	Hoàng Đình Tuấn	Phó Trưởng phòng KTKĐ	2/27/1980	11	1,100
18	Nguyễn Việt Tường	Đảng viên	6/20/1960	37	3,700
19	Vũ Văn Quảng	Đảng viên	11/13/1974	11	1,100
20	Bùi Tuấn Đạt	Đảng viên	1/23/1979	12	1,200
21	Phan Nhật Trung	Đảng viên	4/22/1986	8	800
22	Nguyễn Văn Tuyên	Đảng viên	9/22/1984	5	500
23	Nguyễn Duy Huy	Đảng viên	2/3/1986	5	500
24	Tài Văn Long	Đảng viên	8/28/1983	5	500
25	Nguyễn Văn Thăng	Đảng viên	11/10/1983	5	500

26	Nguyễn Trọng Nghiệp	Đăng kiểm	29/08/1989	4	400
27	Lê Thanh Hải	Đăng kiểm	02/09/1984	4	400
28	Nguyễn Hà Phương	Đăng kiểm	28/08/1983	3	300
29	Nguyễn Xuân Hòa	Đăng kiểm	19/11/1988	3	300
30	Vũ Bình Khánh	Đăng kiểm	31/12/1984	3	300
31	Hoàng Vĩnh Phúc	Đăng kiểm	03/09/1992	2	200
32	Dương Công Chí	Thực tập đăng kiểm viên	08/12/1990	1	100
TỔNG CỘNG				379	37,900

Người lập biểu


Phạm Mạnh Hà

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

Phụ lục 3

**DANH SÁCH CỔ PHẦN BÁN THÊM CHO CBCNV ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 27/11/2017**

TT	Họ và tên	Chức danh công việc đang làm	Ngày sinh	Số năm cam kết	CP ưu đãi đăng ký mua thêm theo số năm cam kết
1	Nguyễn Việt Tường	Đăng kiểm viên	20/06/1960	3	600
2	Trịnh Hùng Phương	Bảo vệ, kiêm lái xe	18/08/1970	10	2,000
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	NVNV	10/04/1972	9	1,800
4	Phạm Thị Thiên Hương	NVNV	20/10/1984	10	2,000
5	Vũ Kim Hùng	NVNV	04/01/1986	10	2,000
6	Nguyễn Công Tuấn	NVNV	31/05/1978	10	2,000
7	Nguyễn Thị Phương	NVNV	01/10/1989	10	2,000
8	Nguyễn Thị Thùy	NVNV	14/07/1989	10	2,000
	TỔNG CỘNG			72	14,400

Người lập biểu

Phạm Mạnh Hà

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

**DANH SÁCH CỔ PHẦN BÁN THÊM CHO CBCNV ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG
CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CAO
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP NGÀY 27/11/2017**

TT	Họ và tên	Chức danh công việc đang làm	Ngày sinh	Số năm cam kết	CP ưu đãi đăng ký mua thêm theo số năm cam kết
1	Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	20/02/1981	10	8,000
2	Hoàng Trọng Khuê	Phó Giám đốc	25/11/1962	5	4,000
3	Vũ Văn Tuyền	Phó Giám đốc	30/04/1963	5	4,000
4	Đỗ Đức Lập	Trưởng phòng KTKĐ	01/06/1965	8	6,400
5	Hoàng Đình Tuấn	Phó Trưởng phòng KTKĐ	27/02/1980	10	8,000
6	Bùi Tuấn Đạt	Đăng kiểm viên bậc cao	23/01/1979	10	8,000
7	Vũ Văn Quảng	Đăng kiểm viên bậc cao	13/11/1974	10	8,000
8	Phan Nhật Trung	Đăng kiểm viên bậc cao	22/04/1986	10	8,000
9	Nguyễn Duy Huy	Đăng kiểm viên	03/02/1986	10	8,000
10	Tải Văn Long	Đăng kiểm viên bậc cao	28/08/1983	10	8,000
11	Nguyễn Văn Thắng	Đăng kiểm viên bậc cao	10/11/1983	10	8,000
12	Nguyễn Trọng Nghiệp	Đăng kiểm viên	29/08/1989	10	8,000
13	Nguyễn Xuân Hòa	Đăng kiểm viên	19/11/1988	10	8,000
14	Nguyễn Văn Tuyền	Thạc sỹ	22/09/1984	10	8,000
15	Lê Thanh Hải	Đăng kiểm viên	02/09/1984	10	8,000
16	Nguyễn Hà Phương	Đăng kiểm viên	28/08/1983	10	8,000
17	Vũ Bình Khánh	Đăng kiểm viên	31/12/1984	10	8,000
18	Hoàng Vĩnh Phúc	Đăng kiểm viên	03/09/1992	10	8,000
19	Dương Công Chí	Đăng kiểm viên	08/12/1990	10	8,000
20	Phạm Mạnh Hà	TP HCTH	10/06/1973	10	8,000
21	Phạm Thiên Thắng	Phó TP HCTH	10/03/1979	10	8,000
22	Nguyễn Minh Đức	Nhân viên nghiệp vụ	31/07/1983	10	8,000
23	Phạm Thị Thu Thủy	Nhân viên nghiệp vụ	07/09/1991	10	8,000
TỔNG CỘNG				218	174,400

Người lập biểu

Phạm Mạnh Hà

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

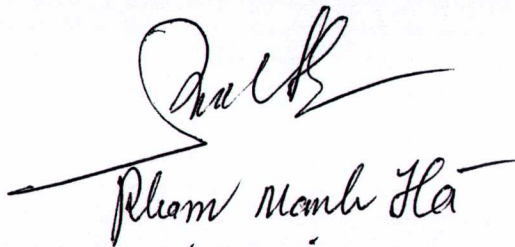
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH Phụ lục 3- TT 35
ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	61,649,450,000	
1.1	Tỷ lệ cổ phần của nhà nước	%	49.0%	
1.2	Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động	%	3.7%	
1.3	Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài	%	47.3%	
2	Mua cổ phần ưu đãi của người lao động			
2.1	Số lao động mua cổ phần ưu đãi	Người	32	
2.2	Tổng số cổ phần ưu đãi	Cổ phần	37,900	
2.3	Tổng giá trị cổ phần ưu đãi	Triệu đồng	379,000,000	
3	Mua thêm cổ phần ưu đãi của người lao động			
3.1	Số lao động mua thêm cổ phần ưu đãi	Người	32	
3.2	Tổng số cổ phần ưu đãi mua thêm	Cổ phần	188,800	
3.3	Tổng giá trị cổ phần ưu đãi mua thêm	Triệu đồng	1,888,000,000	
4	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi	Người	32	
4.1	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập	Người	-	
	a) Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	Người	-	
	b) Số lao động chấm dứt HĐLV, HĐLĐ	Người	-	
	c) Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi	Người	-	
4.2	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	Người	32	
5	Số lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 18 tháng 10 năm 2000	Người	-	
5.1	Số lao động từ đủ 55 tuổi đến dưới 59 tuổi đối với nam, từ đủ 50 tuổi đến dưới 54 tuổi đối với nữ được nghỉ hưu trước tuổi	Người	-	
5.2	Số lao động từ đủ 59 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, từ đủ 54 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ được nghỉ hưu trước tuổi	Người	-	
5.3	Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu tối đa 06 tháng đóng BHXH	Người	-	
5.4	Số lao động phải nghỉ việc và chấm dứt HĐLV, HĐLĐ	Người	-	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
6.	Số lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 18 tháng 10 năm 2000 trở về sau phải nghỉ việc và chấm dứt HĐLĐ, HĐLV	Người	-	
7.	Kinh phí thực hiện chính sách lao động dôi dư	Triệu đồng	-	
	a) Từ nguồn thu bán cổ phần	Triệu đồng	-	
	b) Từ Quỹ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hỗ trợ	Triệu đồng	-	
	c) Từ chi phí của đơn vị	Triệu đồng	-	

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Mạnh Hà

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BAN

(Ký tên, đóng dấu)



 GIÁM ĐỐC

LƯU VĂN SƠN

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

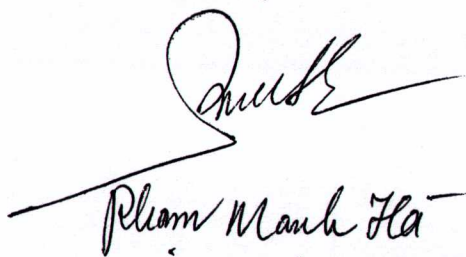
DANH SÁCH LAO ĐỘNG
TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2017

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLD	Tiền lương theo HDLV, HDLD (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Đang làm việc	1	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Giám đốc	Đại học	01/08/1995	K	19,826,300		
	2	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Phó Giám đốc	Đại học	01/09/2004	H	16,590,600		
	3	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Phó Giám đốc	Đại học	01/10/2008	H	16,445,700		
	4	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Phó Giám đốc	Sau Đại học	16/04/2009	H	10,939,600		
	5	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Trưởng phòng HCTH	Sau Đại học	01/08/1995	H	13,823,800		
	6	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Phó Trưởng phòng HCTH	Đại học	02/01/2008	H	11,016,300		
	7	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/04/1972	Nhân viên nghiệp vụ/Thủ quỹ	Đại học	15/06/2002	H	11,985,400		
	8	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Nhân viên nghiệp vụ/Chụp ảnh phương tiện	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		
	9	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Nhân viên nghiệp vụ/đóng dấu và lưu hồ sơ chuyên	Đại học	16/04/2009	H	9,116,300		
	10	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Nhân viên nghiệp vụ/Thống kê, tổng hợp, báo cáo	Đại học	15/05/2014	H	9,116,300		
	11	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí kiểm định	Đại học	01/09/2013	H	6,901,200		
	12	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe kiểm bảo	Lái xe	27/8//2001	H	9,190,600		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLĐ	Tiền lương theo HDLV, HDLĐ (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
	13	Đỗ Đức Lạp	01/06/1965	Trưởng phòng KTKĐ	Đại học	01/08/2004	H	15,855,900		
	14	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Phó Trưởng phòng KTKĐ	Sau Đại học	16/04/2009	H	10,060,000		
	15	Đỗ Văn Phúc	02/10/1957	Đăng kiểm viên	Đại học	06/03/1997	H	15,850,300		
	16	Nguyễn Viết Tường	20/06/1960	Đăng kiểm viên	Đại học	01/08/1995	H	15,711,000		
	17	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đăng kiểm viên	Đại học	16/04/2009	H	9,770,300		
	18	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đăng kiểm viên	Đại học	01/11/2006	H	9,770,300		
	19	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Đăng kiểm viên	Sau Đại học	16/07/2009	H	8,813,800		
	20	Nguyễn Văn Tuyền	22/09/1984	Đăng kiểm viên	Sau Đại học	06/11/2012	H	7,857,500		
	21	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đăng kiểm viên	Đại học	06/11/2012	H	7,857,500		
	22	Tái Văn Long	28/08/1983	Đăng kiểm viên	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		
	23	Nguyễn Văn Thăng	10/11/1983	Đăng kiểm viên	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		
	24	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đăng kiểm viên	Đại học	20/09/2013	H	6,901,200		
	25	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đăng kiểm viên	Đại học	20/09/2013	H	6,901,200		
	26	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí bảo trì đường bộ	Đại học	15/05/2014	G	7,857,500		
	27	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Nhân viên nghiệp vụ/Kế toán	Đại học	15/05/2014	G	6,901,200		
	28	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Nhân viên nghiệp vụ/Phô tô và lưu hồ sơ phương	Đại học	01/08/2004	G	7,857,500		
	29	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Đăng kiểm viên	Đại học	15/04/2014	G	6,901,200		
	30	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đăng kiểm viên	Đại học	01/06/2014	G	6,901,200		
	31	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đăng kiểm viên	Đại học	04/08/2014	G	6,901,200		
	32	Hoàng Vĩnh Phúc	03/09/1992	Đăng kiểm viên tập sự	Đại học	15/11/2015	G	5,884,000		
	33	Nguyễn Phú Nam	26/10/1979	Đăng kiểm viên	Sau Đại học	03/11/2014	G	10,726,500		
	34	Bùi Trọng Quyền Anh	24/04/1990	Đăng kiểm viên	Đại học	03/11/2014	G	6,901,200		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLD	Tiền lương theo HDLV, HDLD (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
	35	Nguyễn Văn Huân	01/04/1987	Đăng kiểm viên	Đại học	03/11/2014	G	6,901,200		
	36	Cao Ngọc Thành	24/12/1992	Đăng kiểm viên	Đại học	03/11/2014	G	6,901,200		
	37	Đỗ Văn Kiên	09/02/1991	Đăng kiểm viên	Đại học	12/03/2015	G	6,901,200		
	38	Hoàng Anh Hùng	09/04/1987	Đăng kiểm viên	Đại học	02/03/2015	G	6,901,200		
	39	Nguyễn Tiến Mạnh	24/11/1992	Đăng kiểm viên	Đại học	12/03/2015	G	6,901,200		
	40	Nguyễn Trọng Hùng	19/07/1982	Đăng kiểm viên	Đại học	12/03/2015	G	8,813,800		
	41	Dương Công Chí	08/12/1990	Đăng kiểm viên tập sự	Đại học	01/10/2016	B	3,299,000		
	42	Nguyễn Đức Hiệp	07/09/1994	Bảo vệ	Cao đẳng	01/07/2014	B	2,971,400		

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Mạnh Hòa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM




GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH LAO ĐỘNG
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 2017

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLD	Tiền lương theo HDLV, HDLD (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Đang làm việc	1.	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Giám đốc	Đại học	01/08/1995	K	19,826,300		
	2.	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Phó Giám đốc	Đại học	01/09/2004	H	16,590,600		
	3.	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Phó Giám đốc	Đại học	01/10/2008	H	16,445,700		
	4.	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Phó Giám đốc	Sau Đại học	16/04/2009	H	10,939,600		
	5.	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Trưởng phòng HCTH	Sau Đại học	01/08/1995	H	13,823,800		
	6.	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Phó Trưởng phòng HCTH	Đại học	02/01/2008	H	11,016,300		
	7.	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/04/1972	Nhân viên nghiệp vụ/Thủ quỹ	Đại học	15/06/2002	H	11,985,400		
	8.	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Nhân viên nghiệp vụ/Chụp ảnh phương tiện	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLĐ	Tiền lương theo HDLV, HDLĐ (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
	9.	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Nhân viên nghiệp vụ/đóng dấu và lưu hồ sơ chuyển	Đại học	16/04/2009	H	9,116,300		
	10.	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Nhân viên nghiệp vụ/Thống kê, tổng hợp, báo cáo	Sau Đại học	15/05/2014	H	9,116,300		
	11.	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí kiểm định	Sau Đại học	01/09/2013	H	6,901,200		
	12.	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe kiêm bảo vệ	Lái xe	27/8//2001	H	9,190,600		
	13.	Đỗ Đức Lạp	01/06/1965	Trưởng phòng KTKĐ	Đại học	01/08/2004	H	15,855,900		
	14.	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Phó Trưởng phòng KTKĐ	Sau Đại học	16/04/2009	H	10,060,000		
	15.	Nguyễn Viết Tường	20/06/1960	Đăng kiểm viên	Đại học	06/03/1997	H	15,850,300		
	16.	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đăng kiểm viên	Đại học	01/08/1995	H	15,711,000		
	17.	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đăng kiểm viên	Đại học	16/04/2009	H	9,770,300		
	18.	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Đăng kiểm viên	Đại học	01/11/2006	H	9,770,300		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLD	Tiền lương theo HDLV, HDLD (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
	19.	Nguyễn Văn Tuyền	22/09/1984	Đăng kiểm viên	Sau Đại học	16/07/2009	H	8,813,800		
	20.	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đăng kiểm viên	Sau Đại học	06/11/2012	H	7,857,500		
	21.	Tái Văn Long	28/08/1983	Đăng kiểm viên	Đại học	06/11/2012	H	7,857,500		
	22.	Nguyễn Văn Thắng	10/11/1983	Đăng kiểm viên	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		
	23.	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đăng kiểm viên	Đại học	01/02/2012	H	7,857,500		
	24.	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đăng kiểm viên	Đại học	20/09/2013	H	6,901,200		
	25.	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	Đăng kiểm viên	Đại học	20/09/2013	H	6,901,200		
	26.	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí bảo trì đường bộ	Đại học	15/05/2014	H	7,857,500		
	27.	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Nhân viên nghiệp vụ/Kế toán	Đại học	15/05/2014	H	6,901,200		
	28.	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Nhân viên nghiệp vụ/Phô tô và lưu hồ sơ phương	Đại học	01/08/2004	H	7,857,500		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Chức danh/công việc đang làm	Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Ngày/tháng/ năm được tuyển lần cuối vào đơn	Loại HDLV, HDLD	Tiền lương theo HDLV, HDLD (đồng)	Thời điểm bắt đầu cử đi học, nghỉ	Ghi chú
	29.	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đăng kiểm viên	Đại học	15/04/2014	H	6,901,200		
	30.	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đăng kiểm viên	Đại học	01/06/2014	H	6,901,200		
	31.	Hoàng Vĩnh Phúc	03/09/1992	Đăng kiểm viên	Đại học	04/08/2014	H	6,901,200		
	32.	Dương Công Chí	08/12/1990	Đăng kiểm viên	Đại học	15/11/2015	G	5,884,000		

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Mạnh Hà

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM




GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH LAO ĐỘNG CHUYỂN SANG LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 2017

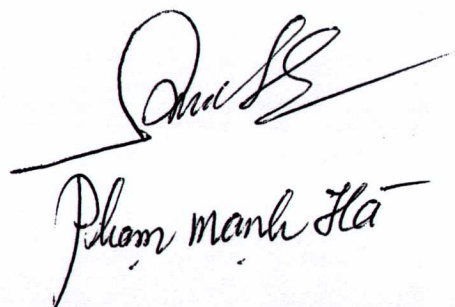
Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở mẫu số 2	Ngày/ tháng/ năm sinh		Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Chức danh/công việc đang làm	Chức danh/công việc dự kiến ở công ty cổ phần	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Tiếp tục được sử dụng	1.	Lưu Văn Sơn	1	17/11/1958		Đại học	Giám đốc	Thành viên HĐQT	34	3
	2.	Vũ Văn Tuyền	2	30/04/1963		Đại học	Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT	34	9
	3.	Hoàng Trọng Khuê	3	25/11/1962		Đại học	Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT	37	5
	4.	Nguyễn Ngọc Hiếu	4	20/02/1981		Sau Đại học	Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT	11	11
	5.	Phạm Mạnh Hà	5	10/06/1973		Sau Đại học	Trưởng phòng HCTH	Trưởng phòng HCTH	27	5
	6.	Phạm Thiên Thăng	6	10/03/1979		Đại học	Phó Trưởng phòng HCTH	Phó Trưởng phòng HCTH	15	
	7.	Nguyễn Thị Kim Oanh	7		10/04/1972	Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/Thủ quỹ	Nhân viên nghiệp vụ/Thủ quỹ	27	4
	8.	Vũ Kim Hùng	8	04/01/1986		Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/Chụp ảnh	Nhân viên nghiệp vụ/Chụp ảnh phương tiện	5	10

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở mẫu số 2	Ngày/ tháng/ năm sinh		Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Chức danh/công việc đang làm	Chức danh/công việc dự kiến ở công ty cổ phần	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	9.	Phạm Thị Thiên Hương	9		20/10/1984	Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/đóng dấu hồ sơ phương tiện và lưu hồ sơ chuyển	Nhân viên nghiệp vụ/đóng dấu hồ sơ phương tiện và lưu hồ sơ chuyển vùng	8	8
	10.	Nguyễn Minh Đức	10	31/07/1983		Sau Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/Thống kê, tổng hợp, báo cáo, thư ký các	Nhân viên nghiệp vụ/Thống kê, tổng hợp, báo cáo, thư ký các cuộc họp.	11	6
	11.	Phạm Thị Thu Thủy	11		07/09/1991	Sau Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí kiểm định	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí kiểm định	4	3
	12.	Trịnh Hùng Phương	12	18/08/1970		Lái xe	Lái xe kiêm bảo vệ	Lái xe kiêm bảo vệ	16	0
	13.	Đỗ Đức Lạp	13	01/06/1965		Đại học	Trưởng phòng KTKĐ	Trưởng phòng KTKĐ	30	1
	14.	Hoàng Đình Tuấn	14	27/02/1980		Sau Đại học	Phó Trưởng phòng KTKĐ	Phó Trưởng phòng KTKĐ	11	7
	15.	Nguyễn Viết Tường	15	20/06/1960		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	37	10
	16.	Vũ Văn Quảng	16	13/11/1974		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	11	1
	17.	Bùi Tuấn Đạt	17	23/01/1979		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	12	6
	18.	Phan Nhật Trung	18	22/04/1986		Sau Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	8	5

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở mẫu số 2	Ngày/ tháng/ năm sinh		Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Chức danh/công việc đang làm	Chức danh/công việc dự kiến ở công ty cổ phần	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	19.	Nguyễn Văn Tuyền	19	22/09/1984		Sau Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	5	1
	20.	Nguyễn Duy Huy	20	03/02/1986		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	5	1
	21.	Tái Văn Long	21	28/08/1983		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	6	8
	22.	Nguyễn Văn Thắng	22	10/11/1983		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	5	10
	23.	Nguyễn Trọng Nghiệp	23	29/08/1989		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	4	3
	24.	Lê Thanh Hải	24	02/09/1984		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	4	3
	25.	Nguyễn Thị Thùy Dương	25		14/07/1989	Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí bảo trì đường bộ	Nhân viên nghiệp vụ/thu phí bảo trì đường bộ	4	11
	26.	Nguyễn Thị Phương Mai	26		01/10/1989	Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/Kế toán tổng hợp	Nhân viên nghiệp vụ/Kế toán tổng hợp	4	7
	27.	Nguyễn Công Tuấn	27	31/05/1978		Đại học	Nhân viên nghiệp vụ/Phô tô và lưu hồ sơ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ/Phô tô và lưu hồ sơ phương tiện	13	4
	28.	Nguyễn Hà Phương	28	28/08/1983		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	3	7
	29.	Nguyễn Xuân Hòa	29	19/11/1988		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	6	2

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở mẫu số 2	Ngày/ tháng/ năm sinh		Trình độ chuyên môn/ bậc thợ	Chức danh/công việc đang làm	Chức danh/công việc dự kiến ở công ty cổ phần	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	30.	Vũ Bình Khánh	30	31/12/1984		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	4	3
	31.	Hoàng Vĩnh Phúc	31	03/09/1992		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	2	1
	32.	Dương Công Chí	32	08/12/1990		Đại học	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	1	

NGƯỜI LẬP BIỂU


Phạm Mạnh Hà



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN SƠN

DANH SÁCH LAO ĐỘNG SẼ NGHỈ VIỆC
TẠI THỜI ĐIỂM CHUYÊN ĐỘI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN
NGÀY 27 THÁNG 11 NĂM 2017

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM BĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở mẫu số 2	Ngày/ tháng/ năm sinh	Ngày/ tháng / năm được tuyển lần cuối vào đơn vị	Thời gian làm việc thực tế tại đơn vị	Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)	Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	Lý do								
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	Số năm	Số tháng	(4)	(5)	(6)	(7)	Số năm	Số tháng	(8)	(9)	(10)
Lao động đủ điều kiện nghỉ hưu																
I	Đỗ Văn Phúc	15	02/10/1957		06/03/1997	20	7	22	0	42	6	x				
Lao động chuyển công tác																
1	Nguyễn Phú Nam	33	26/10/1979	03/11/2014	2	11	14	6	14	3						
2	Bùi Trọng Quyền Anh	34	24/04/1990	03/11/2014	2	11	2	11	11	2	11					
3	Nguyễn Văn Huan	35	01/04/1987	03/11/2014	2	11	2	11	11	2	11					
4	Cao Ngọc Thành	36	24/12/1992	03/11/2014	2	11	2	11	11	2	11					
5	Đỗ Văn Kiên	37	09/02/1991	12/03/2015	2	7	2	7	7	2	7					
6	Hoàng Anh Hùng	38	09/04/1987	02/03/2015	2	7	2	7	7	2	7					
7	Nguyễn Tiến Mạnh	39	24/11/1992	12/03/2015	2	7	2	7	7	2	7					
8	Nguyễn Trọng Hùng	40	19/07/1982	12/03/2015	2	7	10	9	9	10	9					
9	Nguyễn Đức Hiệp	42	07/09/1994	01/07/2014	3	3	3	3	3	2	7					

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

I. Đặc điểm chung

- Tên đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương
- Ngày tháng năm thành lập: 25/7/1995
- Địa chỉ: Đường Tân Dân, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương
- Chức năng, nhiệm vụ chính: Đăng kiểm xe cơ giới
- Thuận lợi khi thực hiện chuyển đổi:
- Khó khăn khi thực hiện chuyển đổi:

II. Phương án sử dụng lao động

1. Lao động trước khi sắp xếp

Tổng số lao động thường xuyên: 32 người, trong đó nữ: 5 người.

Trong đó:

- a) Số lao động đang làm việc: 32 người.
- b) Số lao động đang được đơn vị cử đi học hoặc được đơn vị đồng ý cho đi học: 0 người.
- c) Số lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản, điều trị thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội: 0 người.
- d) Số lao động đang phải ngừng việc không do lỗi của người lao động: 0 người.
- đ) Số lao động đang nghỉ việc không hưởng lương mà có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị: 0 người.
- e) Số lao động đang bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: 0 người.
- g) Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLV, HĐLĐ: 0 người.

2. Phương án sử dụng lao động

- a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại công ty cổ phần: 32 người, trong đó nữ: 5 người.

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng: 32 người.
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng (nếu có): 0 người;
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian (nếu có): 0 người.
- b) Số lao động nghỉ hưởng chế độ hưu trí: 0 người.
- c) Số lao động không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần: 0 người.
- Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 18 tháng 10 năm 2000 không bố trí được việc làm, phải nghỉ việc và chấm dứt HĐLV, HĐLĐ: 0 người, trong đó nữ: 0 người.

3. Kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 0 đồng,

4. Nguồn kinh phí đảm bảo

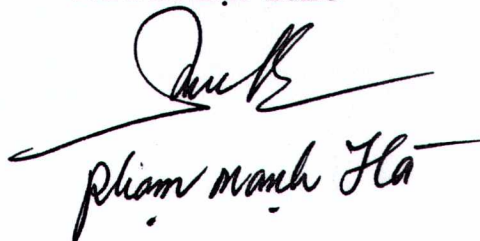
Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 0 đồng,

Trong đó:

- a) Nguồn từ tiền bán cổ phần/bán đơn vị:
- b) Chi phí của đơn vị: đồng.
- c) Đề nghị Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp:

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Phạm Mạnh Hòa



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM


 GIÁM ĐỐC
 LƯU VĂN SƠN

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG**

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG**

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II - TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	3
- Tên tiếng Anh: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Co., Ltd	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
III - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần	7
V - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20

VII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) 29	
CHƯƠNG IX - BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	30
Điều 37. Kiểm soát viên.....	31
Điều 38. Ban kiểm soát.....	32
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng.....	32
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	35
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	35
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 46. Năm tài chính.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán.....	36
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	37
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	37
Điều 50. Kiểm toán.....	37
Điều 51. Con dấu.....	38
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 54. Thanh lý.....	38
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
Điều 56. Điều lệ công ty.....	40
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2017.

I - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II - TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG**

- Tên tiếng Anh: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Co., Ltd

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Công ty được thành lập theo phương thức cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Theo đó, Công ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày thành lập, và các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

- Điện thoại: 0220 3891 845

- Fax: 0220 3891 845

- Email: t3401s@gmail.com

- Mã số: 3401D

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật phải thường trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày tại Việt Nam thì uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Theo Điều 152 Luật doanh nghiệp 2014, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

III - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; Sắp xếp lại tổ chức, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; Cùng các nhà đầu tư phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; Thực hiện mục tiêu Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.

1.2. Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; Tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; Góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các ngành, nghề sau:

Cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
2	Dịch vụ tư vấn, thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Nt
3	Nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	Nt
4	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị trong khai thác sử dụng, thiết bị nâng, thiết bị gắn phương tiện cơ giới giao thông đường bộ	Nt
5	Bán bảo hiểm xe cơ giới đường bộ	Nt
6	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	71200
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác	4530

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với

quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 61.649.450.000 đồng.

Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 6.164.945 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 14 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty..

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo lãi suất (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu hồi) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa ($1/2$) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba ($1/3$) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề

liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm

họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được

thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;

- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- g. Trong quý 4 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

CHƯƠNG IX - BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ

từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cản trở

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành

khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ... của tháng ... ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán

độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ... nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

Người đại diện theo pháp luật

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH**

**CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3038 /UBND-VP
V/v phương án sử dụng đất
của Trung tâm đăng kiểm xe
cơ giới Hải Dương

Hải Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2017

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Sau khi xem xét Báo cáo số 255/BC-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Trung tâm đăng Kiểm xe cơ giới Hải Dương; UBND tỉnh đồng ý với tham mưu đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường; cụ thể:

1. Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương được tiếp tục sử dụng 27.871,6 m² đất, tại 02 địa điểm để lập phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần theo hình thức thuê đất trả tiền thuê hàng năm, như sau:

a) Địa điểm tại phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương, diện tích 11.005,6 m² đất;

b) Địa điểm tại xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hoà, huyện Ninh Giang, diện tích 16.866 m² đất.

2. Yêu cầu Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật đất đai và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đơn vị lập và hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời. /✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- LĐ VP: Ô Khuyến, Ô Hải;
- CV VP: Ô Thụy;
- Lưu: VT. (Hoàn 12b)✓

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3625 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

T.T ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI-HD	
ĐẾN	Số: <u>288</u>
	Ngày: <u>28/11</u>
Chuyên:	<u>107K</u> <u>A. H</u>
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

10

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 473/TTg-ĐMDN ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Dương chuyển thành công ty cổ phần.

Xét đề nghị của Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại Tờ trình số 1612/TTr-BCĐ ngày 08/11/2017 cùng hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm ngày 31/3/2017, với các nội dung cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp là **63.095.587.326 đồng** (Sáu mươi ba tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 61.649.444.808 đồng (Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm linh tám đồng);

+ Nợ phải trả thực tế: 1.335.861.518 đồng;

+ Nguồn kinh phí sự nghiệp: 110.281.000 đồng;

+ Theo quy định tại Điểm d, Khoản 8 Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công: Tính đầy đủ giá trị lợi thế (vị trí địa lý) vào giá trị để cổ phần hóa nếu doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Do chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa tính giá trị lợi thế vào giá trị doanh nghiệp. Khi có Văn bản hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền sẽ tính toán điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

+ Tài sản không cần dùng không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng;

+ Tài sản chờ thanh lý không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng.

(có Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kèm theo).

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương phối hợp cùng Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tiếp tục triển khai các công việc tiếp theo trong việc thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương căn cứ quyết định thi hành. / *le*

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh: Ô. Khuyển;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, Thụy *đ*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Đức Sáng

Số: 274/TT-Tr-TTĐK

Hải Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc tiếp khi cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập

Kính gửi:

- UBND tỉnh Hải Dương;
- Các Sở: GTVT; LĐTBXH, TC, KH&ĐT, NV;
- BCĐ Cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Thực hiện Công văn số 3950/SLĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 01/12/2017 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương về việc xây dựng tiêu chí xác định người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương xin trình phê duyệt tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phiếu ưu đãi theo năm cam kết khi cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

I. Căn cứ đề nghị

Theo điểm a, khoản 2, điều 21, quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần quy định chính sách ưu đãi cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi như sau:

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm được mua thêm cổ phần theo quy định như sau: Mua thêm theo mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2000 cổ phiếu cho một người lao động

- Riêng người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phù hợp với đặc thù ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 5 năm được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8000 cổ phần cho một người lao động.

II. Tiêu chí người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao

Căn cứ vào đặc thù ngành nghề lĩnh vực hoạt động và nhu cầu thực tế tới đây của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Trung tâm xác định tiêu chí người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để mua thêm cổ phiếu ưu đãi theo năm cam kết khi cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, cụ thể như sau:

- Có tên trong danh sách thường xuyên của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

- Có cam kết làm việc lâu dài từ 5 năm trở lên sau khi cổ phần hóa Trung tâm.

- Cán bộ có trình độ sau đại học hoặc đại học chính quy chuyên ngành Điện tử viễn thông hoặc Đại học chuyên ngành đào tạo cơ khí ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật cơ khí trong chương trình đào tạo có các nội dung: Lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, động cơ đốt trong và điện ô tô hoặc các môn học tương đương.

- Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Có giấy phép lái xe còn hiệu lực.

- Có thời gian công tác tại trung tâm từ 1 năm trở lên và đã được đào tạo và cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ đăng kiểm viên, có kinh nghiệm trong quá trình công tác, am hiểu về ngành nghề và lĩnh vực chuyên môn.

- Được Hội nghị viên chức, người lao động thông qua.

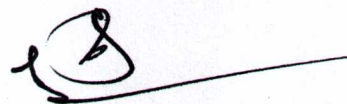
(Có biên bản và danh sách kèm theo)

Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kính trình UBND tỉnh Hải Dương, Sở Lao động TB&XH và Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GTVT (để báo cáo);
- Các phòng, ban có liên quan;
- Lưu: VT, HCTH, 3b. *ks*

GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Sơn

DANH SÁCH

Lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian đã làm việc
tại khu vực nhà nước mức 100 cổ phần/năm
(Kèm theo Biên bản ngày 04 tháng 12 năm 2017)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, chức danh	Thời gian làm việc tại khu vực nhà nước
1.	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Giám đốc	34 năm
2.	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Phó Giám đốc	34 năm
3.	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Phó Giám đốc	37 năm
4.	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Phó Giám đốc	11 năm
5.	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	TP HCTH	27 năm
6.	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Phó Trưởng phòng HCTH	9 năm
7.	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/4/1972	Nhân viên nghiệp vụ	15 năm
8.	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Nhân viên nghiệp vụ	5 năm
9.	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Nhân viên nghiệp vụ	8 năm
10.	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Nhân viên nghiệp vụ	10 năm
11.	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Nhân viên nghiệp vụ	4 năm
12.	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	Nhân viên nghiệp vụ	4 năm
13.	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Nhân viên nghiệp vụ	3 năm
14.	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Nhân viên nghiệp vụ	13 năm
15.	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe, kiêm bảo vệ	16 năm
16.	Đỗ Đức Lập	01/06/1965	Trưởng phòng KTKĐ	30 năm
17.	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Phó Trưởng phòng KTKĐ	11 năm
18.	Nguyễn Việt Tường	20/06/1960	Đăng kiểm viên	37 năm
19.	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đăng kiểm viên	11 năm
20.	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đăng kiểm viên	12 năm
21.	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Đăng kiểm viên	8 năm
22.	Nguyễn Văn Tuyền	22/09/1984	Đăng kiểm viên	5 năm
23.	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đăng kiểm viên	5 năm
24.	Tái Văn Long	28/08/1983	Đăng kiểm viên	5 năm
25.	Nguyễn Văn Thăng	10/11/1983	Đăng kiểm viên	5 năm
26.	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đăng kiểm viên	4 năm
27.	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đăng kiểm viên	4 năm
28.	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Đăng kiểm viên	3 năm
29.	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đăng kiểm viên	3 năm
30.	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đăng kiểm viên	3 năm
31.	Hoàng Vĩnh Phúc	03/09/1992	Đăng kiểm viên	2 năm
32.	Dương Công Chí	08/12/1990	Đăng kiểm viên	1 năm
Tổng cộng				379

DANH SÁCH

**Lao động được mua thêm cổ phiếu ưu đãi mức 200 cổ phiếu/năm
(theo năm cam kết)**

(Kèm theo Biên bản ngày 04 tháng 12 năm 2017)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, chức danh	Số năm mua theo năm cam kết
1	Nguyễn Viết Tường	20/06/1960	Đăng kiểm viên	3
2	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/4/1972	NVNV	9
3	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	NVNV	10
4	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	NVNV	10
5	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	NVNV	10
6	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	NVNV	10
7	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	NVNV	10
8	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Bảo vệ, kiêm lái xe	10
Tổng cộng				72 năm

DANH SÁCH

**Lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm
cổ phần ưu đãi mức 800 cổ phần/năm (theo năm cam kết)
(Kèm theo Biên bản ngày 14 tháng 12 năm 2017)**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức danh	Chức vụ	Năm cam kết làm việc
1	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	ĐKV bậc cao	Phó Giám đốc	5
2	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Đăng kiểm viên	Phó Giám đốc	5
3	Đỗ Đức Lạp	01/06/1965	ĐKV bậc cao	Trưởng phòng KTKĐ	8
4	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Đăng kiểm viên	Phó Giám đốc	10
5	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Đăng kiểm viên bậc cao	Phó Trưởng phòng KTKĐ	10
6	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đăng kiểm viên	ĐKV bậc cao	10
7	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đăng kiểm viên	ĐKV bậc cao	10
8	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Đăng kiểm viên	ĐKV bậc cao	10
9	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
10	Tái Văn Long	28/08/1983	Đăng kiểm viên	ĐKV bậc cao	10
11	Nguyễn Văn Thắng	10/11/1983	Đăng kiểm viên	ĐKV bậc cao	10
12	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
13	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
14	Nguyễn Văn Tuyền	22/09/1984	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
15	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
16	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
17	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
18	Hoàng Vĩnh Phúc	03/09/1992	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
19	Dương Công Chí	08/12/1990	Đăng kiểm viên	Đăng kiểm viên	10
20	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Kế toán Trưởng	TP HCTH	10
21	Phạm Thiên Thắng	10/03/1979	Quản trị mạng	Phó TP HCTH	10
22	Nguyễn Minh Đức	31/7/1983	Thạc sỹ	Nhân viên nghiệp vụ	10
23	Phạm Thị Thu Thủy	07/9/1991	Thạc sỹ	Nhân viên nghiệp vụ	10
Tổng cộng					218

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN

**Hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp tại
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương**

Vào hồi 8h00 ngày 15/10/2017 tại Hội trường Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã tổ chức hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.

Thành phần tham dự:

- Sở Giao thông vận tải: Ông Phạm Văn Phụng – Phó Giám đốc Sở
- Sở Nội vụ: Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội
- Lãnh đạo và toàn thể 33 viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; 08 người lao động đã làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15/10/2017

Chủ trì hội nghị: Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Thư ký hội nghị: Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Nội dung Hội nghị tuyên truyền:

1. Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

2. Ông Phạm Văn Phụng – Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải, quán triệt một nội dung sự cần thiết phải tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền chính sách của

GIÁO THÔNG

nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, tập trung vào chính sách của nhà nước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần đề Lãnh đạo và toàn thể viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương nắm và hiểu rõ chính sách mà tập thể và cá nhân được hưởng khi cổ phần hóa doanh nghiệp, cụ thể:

Thứ nhất: Các văn bản liên quan đến chế độ chính sách người lao động cần tự nghiên cứu, tìm hiểu, gồm:

- + Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- + Nghị định số: 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- + Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016

Thứ hai, về chính sách ưu đãi cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

3.1 Người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi:

Đơn vị cần xác định 02 mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp để xác định chế độ cho người lao động.

- Thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi cho người lao động:

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Số cổ phiếu ưu đãi được mua thêm của người lao động, các chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

+ Trường hợp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

+ Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới.

3.2. Được chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định. Mốc xác định là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

3.3. Được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang công ty cổ phần.

3.4. Được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3.5. Người lao động dôi dư tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được hưởng chính sách như đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Yêu cầu Lãnh đạo đơn vị rà soát, xây dựng phương án sử dụng lao động và tính toán các chế độ giải quyết cho người lao động theo quy định trên.

Đề nghị người lao động rà soát, cung cấp đầy đủ các hồ sơ cá nhân còn thiếu và ký xác nhận các hồ sơ liên quan làm cơ sở để lãnh đạo đơn vị tính toán các chế độ cho người lao động đảm bảo đúng quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở Nội vụ, tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp. Thống nhất nội dung bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền, đồng thời nhấn mạnh về mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp. Bổ sung thêm chính sách hiện tại viên chức, người lao động được hưởng theo quy định của Luật viên chức và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

5. Các ý kiến hỏi về chế độ chính sách

- Ông Đỗ Văn Phúc hỏi: Cá nhân ông tại thời điểm 01/11/2017 được nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH theo quy định, vậy việc mua cổ phần ưu đãi của ông có được vận dụng không?

- Ông Nguyễn Phú Nam hỏi: Công tác trong khu vực nhà nước được 13 năm, nhưng đã chuyển công tác đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Chí Linh – 3402D thuộc Công ty TNHH Bình Minh EPC; khi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương – 3401S cổ phần hóa, thì có được mua cổ phần ưu đãi không?

- Ông Nguyễn Viết Tường hỏi về số năm mua cổ phần ưu đãi theo năm làm việc tại khu vực nhà nước và năm cam kết làm việc.

- Ông Phạm Mạnh Hà hỏi: Sau khi cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành Công ty cổ phần thì về tài chính và chuyên môn đơn vị nào quản lý.

Và một số ý kiến khác đã được bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trả lời được 100% viên chức, người lao động của Trung tâm nhất trí.

6. Ông Phạm Văn Phụng – Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải, yêu cầu viên chức, người lao động của Trung tâm, thẩm nhuần nội dung tuyên truyền tại hội nghị, sau buổi tuyên truyền mỗi cá nhân phải tự tìm hiểu thêm về chính sách pháp luật của nhà nước về quyền lợi khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần tạo sự đồng thuận, thống nhất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

Ông Phạm Văn Phụng – Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải đề nghị Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương có văn bản báo cáo Ban đổi mới doanh nghiệp, xin ý kiến về đặc thù của Trung tâm người lao động cơ bản có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động.

7. Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã lên tiếp thu các ý kiến và cam kết sẽ khẩn trương thực hiện theo đúng quy định.

Biên bản này được lập tại hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương./.

THƯ KÝ



Phạm Mạnh Hà

CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ



Lưu Văn Sơn

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Chủ tịch Công đoàn cơ sở:



Vũ Văn Tuyên

2. Bí thư Đoàn Thanh niên:



Phạm Nhật Trung

3. Đăng kiểm viên:



Hoàng Đức Thuận

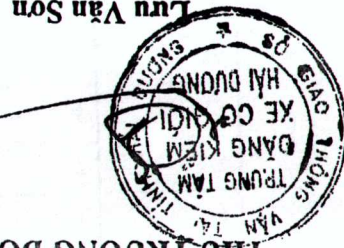
TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỎ PHÂN HOÀ NGÀY 27/11/2017

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Tình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày vào Trung tâm Đăng kiểm XCC HD	Chức danh công việc đang làm	Số năm, tháng đóng BHXH (Tính đến hết tháng 11/2017)	Số năm, tháng làm việc trong khu vực Nhà nước (Tính đến hết tháng 11/2017)	Ký xác nhận
1	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Dại học	1995	Giám đốc	Năm	Tháng	
2	Vũ Văn Tuyên	30/04/1963	Dại học	01/9/2004	Phó Giám đốc	34	34	
3	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Dại học	01/10/2008	Phó Giám đốc	37	37	
4	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Sau Dại học	16/4/2009	Phó Giám đốc	11	11	
5	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Sau Dại học	01/8/1995	TP HCTH	27	27	
6	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Dại học	02/01/2008	Phó Trưởng phòng HCTH	15	9	
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/04/1972	Dại học	7/2002	NVNV	27	15	
8	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Dại học	01/02/2012	NVNV	5	5	
9	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Dại học	16/4/2009	NVNV	8	8	
10	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Sau đại học	6/2014	NVNV	11	10	
11	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Sau đại học	01/9/2013	NVNV	4	4	
12	Nguyễn Thị Thủy Dương	14/07/1989	Dại học	05/2014	NVNV	11	4	
13	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Dại học	6/2014	NVNV	4	3	
14	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Dại học	01/8/2004	NVNV	13	7	
15	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe	6/2002	Lái xe, kiểm bao vệ	15	16	
16	Đỗ Đức Lập	01/06/1965	Dại học	01/8/2004	Trưởng phòng KTKĐ	30	30	
17	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Sau Dại học	5/2009	Phó Trưởng phòng KTKĐ	11	11	
18	Nguyễn Việt Tường	20/06/1960	Dại học	01/8/1995	Dang kiểm viên	37	37	
19	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Dại học	16/4/2009	Dang kiểm viên	11	11	
20	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Dại học	01/11/2006	Dang kiểm viên	12	12	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày vào Trung tâm Đăng kiểm XCG HD	Chức danh công việc đang làm	Số năm, tháng đóng BHXH (Tính đến hết tháng 11/2017)		Số năm, tháng làm việc trong khu vực Nhà nước (Tính đến hết tháng 11/2017)		Ký xác nhận
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	
21	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Sau Đại học	16/7/2009	Đăng kiểm viên	8	5	8	5	
22	Nguyễn Văn Tuyên	22/09/1984	Sau Đại học	06/11/2012	Đăng kiểm viên	5	1	5	1	
23	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đại học	06/11/2012	Đăng kiểm viên	5	1	5	1	
24	Tại Văn Long	28/08/1983	Đại học	01/02/2012	Đăng kiểm viên	6	8	5	10	
25	Nguyễn Văn Thăng	10/11/1983	Đại học	01/02/2012	Đăng kiểm viên	5	10	5	10	
26	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đại học	20/9/2013	Đăng kiểm viên	4	3	4	3	
27	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đại học	20/9/2013	Đăng kiểm viên	4	3	4	3	
28	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Đại học	5/2014	Đăng kiểm viên	3	7	3	7	
29	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đại học	01/6/2014	Đăng kiểm viên	6	2	3	3	
30	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đại học	10/2014	Đăng kiểm viên	4	3	3	4	
31	Hoàng Vinh Phúc	03/09/1992	Đại học	15/11/2015	Đăng kiểm viên	2	1	2	1	
32	Dương Công Chi	08/12/1990	Đại học	12/2016	Đăng kiểm viên	1	-	1	-	
Tổng số								379		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lưu Văn Sơn

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Minh Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016;

Căn cứ văn bản số 895/UBND-VP ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ danh sách người lao động (gồm cả viên chức, người lao động ký hợp đồng lao động) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi,

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2017

Tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Địa chỉ: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động – Tiền lương - BHXH

2. Đại diện Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương:

- Ông Lưu Văn Sơn - Giám đốc

- Ông Hoàng Trọng Khuê - Phó Giám đốc

- Ông Vũ Văn Tuyền - Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn cơ sở

- Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp

- Ông Nguyễn Minh Đức - Cán bộ Phòng Hành chính Tổng hợp



Đã tiến hành thẩm định hồ sơ của 32 người lao động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 27/11/2017 để xác định thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước của người lao động được tính mua cổ phần với giá ưu đãi

Hồ sơ thẩm định gồm có:

- Hồ sơ làm việc của 32 người lao động: Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, Hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, bằng cấp, các Quyết định tiếp nhận ở đơn vị cũ và Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

- Sổ Bảo hiểm xã hội (kèm theo các tờ rời, bản xác nhận của cơ quan BHXH) của 32 người lao động;

- Các bảng thanh toán tiền lương cho người lao động;

- Danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi.

Kết quả thẩm định như sau: Tổng số lao động là 32 người. Trong đó:

1. Viên chức: 30 người. Trong đó

1.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 30 người với tổng số năm là 362 năm. Cụ thể:

STT	Đơn vị	Số người	Số năm làm việc trong KVNN
1	Giám đốc	1	34
2	Phó Giám đốc	3	82
3	Phòng Hành chính tổng hợp	10	98
4	Phòng Kỹ thuật kiểm định	16	148
Tổng		30	362

1.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

2. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 01 người, trong đó:

2.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là 16 năm.

2.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người.

3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng: 01 người (ký HĐLĐ 12 tháng)

3.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là 1 năm.

3.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

4. Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 12 tháng: 0 người.

Vì vậy, số lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi ở Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là 32 người với tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần với giá ưu đãi là 379 năm.

(có Danh sách chi tiết của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kèm theo)

Biên bản được lập xong hồi 11 h cùng ngày, không ai có ý kiến gì khác.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM
XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
GIÁM ĐỐC**



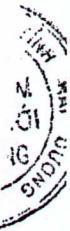
Lưu Văn Sơn

Công đoàn đơn vị

Lưu Văn Sơn

**ĐẠI DIỆN SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG**

Nguyễn Thị Thu Thủy



Số: 170/BB-TTĐK

Hải Dương, ngày 04 tháng 12 năm 2017

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Hội nghị viên chức, người lao động về việc xác định tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc tiếp khi cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập

Vào hồi 16 giờ 30', ngày 04/12/2017 tại Hội trường Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Thành phần tham dự:

- Lãnh đạo Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và toàn thể viên chức, người lao động, gồm: 32/32 người.

- Vắng: 0.

* **Chủ trì hội nghị:** Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

* **Thư ký hội nghị:** Ông Nguyễn Minh Đức – Cán bộ phòng Hành chính tổng hợp Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Nội dung Hội nghị:

1. Ông Lưu Văn Sơn - Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương nêu nội dung cuộc họp như sau:

- Ngày 15/10/2017 Trung tâm đã họp tiêu chí xác định người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi khi cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập;

- Ngày 20/11/2017 Trung tâm đã gửi Tờ trình số 259/TTr-TTĐK về việc đề nghị phê duyệt tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi khi cổ phần hoá đơn vị sự nghiệp công lập;

- Ngày 01/12/2017 Trung tâm nhận được Công văn số 3950/SLĐTBXH-LĐTLBHXH của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương về việc xây dựng tiêu chí xác định người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao;

Hôm nay, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tổ chức họp để xác định lại tiêu chí lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc tiếp khi cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

2. Các ý kiến phát biểu:

2.1. Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính tổng hợp:

tâm, để có điều kiện phục vụ công tác quản trị mạng, giúp Trung tâm hoạt động tốt hơn. Do vậy, đề nghị mong được xem xét xác định là lao động chuyên môn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, được mua thêm cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc tiếp khi cổ phần hoá Trung tâm.

2.6. Ông Nguyễn Ngọc Hiếu – Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở:

- Nhất trí tạo điều kiện cho người lao động có trình độ và kinh nghiệm phù hợp và đáp ứng yêu cầu của đơn vị được xác định là lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để mua thêm cổ phiếu ưu đãi khi cổ phần hoá, tạo điều kiện cho người lao động gắn bó lâu dài với đơn vị và xây dựng đơn vị phát triển.

- Theo chỉ đạo của UBND tỉnh và kế hoạch về việc thực hiện công tác cổ phần hoá của Trung tâm thì công tác cổ phần hoá phải xong trước ngày 31/12/2017. Do vậy, để tạo điều kiện cho người lao động, đối với những người lao động tính từ thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp còn đủ thời gian công tác tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo Luật Bảo hiểm xã hội còn tháng lẻ từ 6 tháng trở lên sẽ làm tròn lên, để làm căn cứ xác định thời gian đủ điều kiện để cam kết năm làm việc tiếp khi cổ phần hoá Trung tâm.

3. Sau khi nghe các ý kiến trên, thì hội nghị dự kiến đưa ra tiêu chí mới về lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi khi cổ phần hoá theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 21, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Có tên trong danh sách thường xuyên của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

- Có cam kết làm việc lâu dài từ 5 năm trở lên sau khi cổ phần hóa Trung tâm.

- Cán bộ có trình độ sau đại học hoặc đại học chính quy chuyên ngành Điện tử viễn thông hoặc Đại học chuyên ngành đào tạo cơ khí ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật cơ khí trong chương trình đào tạo có các nội dung: Lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, động cơ đốt trong và điện ô tô hoặc các môn học tương đương. Trường hợp không có môn học trên có thể đào tạo bổ sung tại các trường đại học.

- Trình độ tối thiểu trình độ B hoặc tương đương.

- Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Có giấy phép lái xe còn hiệu lực.

- Có thời gian công tác tại trung tâm từ 1 năm trở lên, có kinh nghiệm trong quá trình công tác, am hiểu về ngành nghề và lĩnh vực chuyên môn.

- Được Hội nghị viên chức, người lao động thông qua.

- * Hội nghị lấy ý kiến biểu quyết của mọi người về tiêu chí xác định lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi:

- Hình thức lấy ý kiến bằng hình thức giơ tay.

- Số lượng người lấy ý kiến 32 người dự họp.

- Kết quả lấy ý kiến: 32/32 người, đạt 100% nhất trí tiêu chí mới được nêu ở trên.

4. Căn cứ tiêu chí xác định lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi, đã được hội nghị thông qua và số năm cam kết làm việc tiếp của viên chức, người lao động, hội nghị thống nhất 03 danh sách sau:

- Danh sách lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian đã làm việc tại khu vực nhà nước mức 100 cổ phần/năm: 32 người, với tổng thời gian làm việc: 379 năm.

- Danh sách lao động được mua thêm cổ phiếu ưu đãi mức 200 cổ phiếu/năm (theo năm cam kết): 08 người, với tổng thời gian làm việc: 72 năm.

- Danh sách lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi mức 800 cổ phần/năm (theo năm cam kết): 23 người, với tổng thời gian làm việc: 218 năm.

(có 03 danh sách kèm theo)

* Hội nghị lấy ý kiến biểu quyết của mọi người về 03 danh sách trên:

- Hình thức lấy ý kiến bằng hình thức giơ tay.

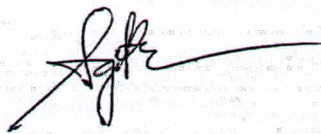
- Số lượng người lấy ý kiến 32 người dự họp.

- Kết quả lấy ý kiến: 32/32 đạt 100% nhất trí với 03 danh sách trên.

5. Lãnh đạo giao phòng Hành chính tổng hợp hoàn thiện hồ sơ và tham mưu Tờ trình thay thế Tờ trình số 259/TTr-TTĐK ngày 20/11/2017, báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan về việc xác định tiêu chí mới để xác định lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc tiếp khi cổ phần hoá Trung tâm để được phê duyệt.

Hội nghị kết thúc vào 17 giờ 45 phút cùng ngày/.

THƯ KÝ



Nguyễn Minh Đức

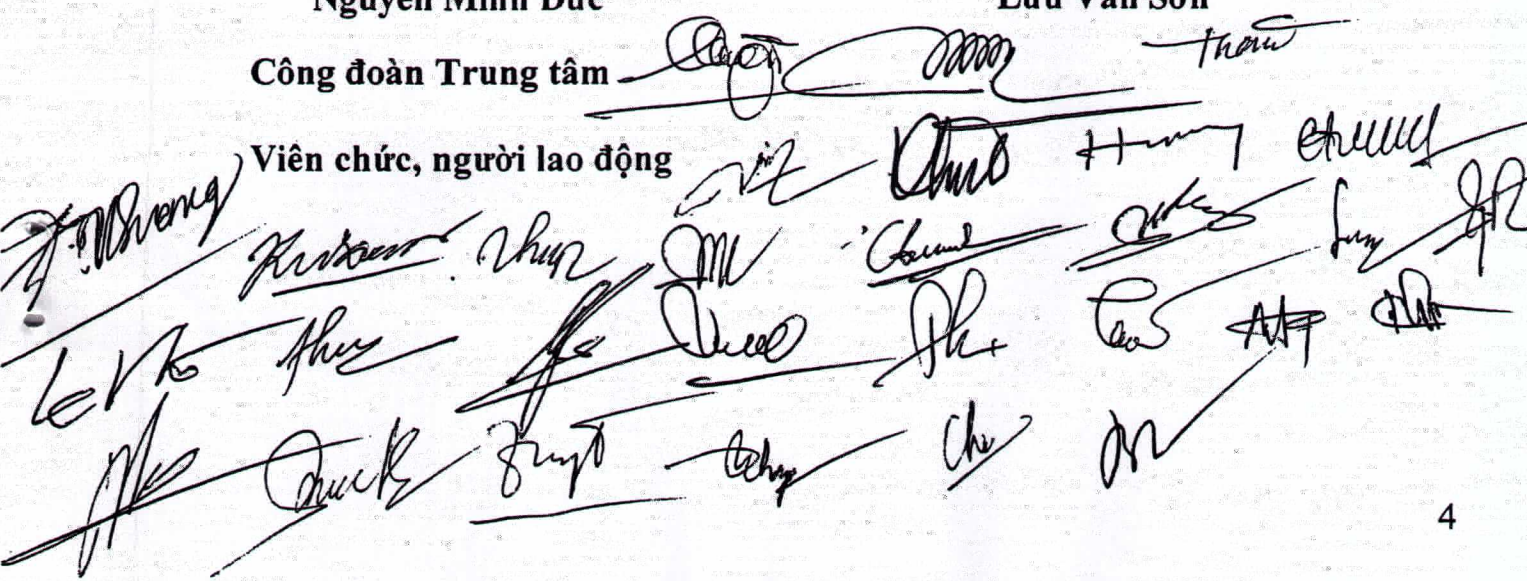
GIÁM ĐỐC



Lưu Văn Sơn

Công đoàn Trung tâm

Viên chức, người lao động



dụng và đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, thu hút nguồn vốn, phát triển doanh nghiệp;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Trung tâm cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Sau thời hạn 5 năm, nhà đầu tư chiến lược được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định, ưu tiên chuyển nhượng cho cổ đông hiện hữu của Công ty;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thoả thuận nào nhằm hoặc dẫn đến thiệt hại cho Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương sau cổ phần hoá, theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tiêu chí riêng

Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh về xe cơ giới ít nhất 05 năm, ưu tiên nhà đầu tư có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực kiểm định xe cơ giới



Số: 01 /BB-TTĐK

BIÊN BẢN

Cuộc họp xây dựng và thống nhất tiêu chí nhà đầu tư chiến lược

Hôm nay, vào hồi 16h30' ngày 19/10/2017 tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương (địa chỉ: đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương), Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương – Tổ trưởng;
2. Ông Phạm Mạnh Hà – Kế toán trưởng – Tổ phó;
3. Ông Vũ Văn Tuyền – Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn cơ sở - Tổ viên;
4. Ông Nguyễn Ngọc Hiếu – Phó Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở - Tổ viên;
5. Ông Hoàng Trọng Khuê – Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật - Tổ viên;
6. Ông Nguyễn Minh Đức – Chuyên viên phòng Hành chính Tổng hợp – Tổ viên.

Cùng họp xây dựng và thống nhất về tiêu chí lựa chọn, năng lực tài chính, số lượng và phương thức bán cổ phiếu đối với nhà đầu tư chiến lược của Trung tâm trong phương án cổ phần hoá, nội dung cụ thể như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

1. Tiêu chí chung

Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền, trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty và hỗ trợ công ty sau cổ phần hoá về: chuyên môn nghiệp vụ, quản trị doanh nghiệp, sử dụng và đào tạo nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, thu hút nguồn vốn, phát triển doanh nghiệp;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Trung tâm cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Sau thời hạn 5 năm, nhà đầu tư chiến lược được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định, ưu tiên chuyển nhượng cho cổ đông hiện hữu của Công ty;

Nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản không tham gia bất kỳ thoả thuận nào nhằm hoặc dẫn đến thiệt hại cho Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương sau cổ phần hoá, theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tiêu chí riêng

Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh về xe cơ giới ít nhất 05 năm, ưu tiên nhà đầu tư có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực kiểm định xe cơ giới đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

II. Năng lực tài chính của nhà đầu tư chiến lược

Nhà đầu tư chiến lược phải có đủ năng lực tài chính, cụ thể như sau:

1. Có vốn chủ sở hữu tối thiểu là 25 tỷ đồng, có tài liệu chứng minh đủ nguồn vốn góp;
2. Có lợi nhuận sau thuế dương và không có lỗ lũy kế ít nhất 02 năm liên tiếp trước khi đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược;
3. Báo cáo tài chính chứng minh năng lực tài chính phải được kiểm toán 02 năm liên tiếp 2015, 2016 trước khi xin làm nhà đầu tư chiến lược.

III. Số lượng và phương thức bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược

1. Số lượng nhà đầu tư chiến lược: 01;
2. Phương thức bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược: là phương thức thỏa thuận trực tiếp. Giá bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, là giá thỏa thuận trực tiếp với nhà đầu tư chiến lược, có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai, nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

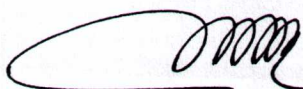
Biên bản này được lập thành 01 bản, nội dung cuộc họp được các thành viên trong Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương cùng thông qua, nhất trí và ký tên./.

Tổ trưởng:



Lưu Văn Sơn

Tổ viên:



Nguyễn Ngọc Hiếu

Tổ phó:



Phạm Mạnh Hà

Tổ viên:



Hoàng Trọng Khuê

Tổ viên:



Vũ Văn Tuyên

Tổ viên:



Nguyễn Minh Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3625 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

T.T. ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI-HD	
ĐẾN	Số: <u>288</u>
	Ngày: <u>28/11</u>
Chuyên:	<u>HTK A. H</u>
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

 Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Văn bản số 473/TTg-ĐMDN ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Dương chuyển thành công ty cổ phần.
Xét đề nghị của Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại Tờ trình số 1612/TTr-BCĐ ngày 08/11/2017 cùng hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm ngày 31/3/2017, với các nội dung cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp là **63.095.587.326 đồng** (Sáu mươi ba tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 61.649.444.808 đồng (Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm linh tám đồng);

+ Nợ phải trả thực tế: 1.335.861.518 đồng;

+ Nguồn kinh phí sự nghiệp: 110.281.000 đồng;

+ Theo quy định tại Điểm d, Khoản 8 Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công: Tính đầy đủ giá trị lợi thế (vị trí địa lý) vào giá trị để cổ phần hóa nếu doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Do chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa tính giá trị lợi thế vào giá trị doanh nghiệp. Khi có Văn bản hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền sẽ tính toán điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

+ Tài sản không cần dùng không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng;

+ Tài sản chờ thanh lý không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng.

(có Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kèm theo).

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương phối hợp cùng Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tiếp tục triển khai các công việc tiếp theo trong việc thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương căn cứ quyết định thi hành. / *le*

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh: Ô. Khuyến;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, Thụy

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Đức Sáng

+ Theo quy định tại Điểm d, Khoản 8 Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công: Tính đầy đủ giá trị lợi thế (vị trí địa lý) vào giá trị để cổ phần hóa nếu doanh nghiệp lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Do chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa tính giá trị lợi thế vào giá trị doanh nghiệp. Khi có Văn bản hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền sẽ tính toán điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

+ Tài sản không cần dùng không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng;

+ Tài sản chờ thanh lý không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa: 0 đồng.

(có Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kèm theo).

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương phối hợp cùng Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tiếp tục triển khai các công việc tiếp theo trong việc thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương căn cứ quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh: Ô. Khuyển;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, Thụy

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Đức Sáng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3625 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2017

T.T. ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI-HD	
ĐẾN	Số: <u>282</u>
	Ngày: <u>28/11</u>
Chuyên:	<u>HTK</u>
Lưu hồ sơ số:	<u>2.1.12</u>

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

 Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Căn cứ Văn bản số 473/TTg-ĐMDN ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Dương chuyển thành công ty cổ phần.
Xét đề nghị của Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại Tờ trình số 1612/TTr-BCĐ ngày 08/11/2017 cùng hồ sơ kèm theo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm ngày 31/3/2017, với các nội dung cụ thể như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp là **63.095.587.326 đồng** (Sáu mươi ba tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 61.649.444.808 đồng (Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm linh tám đồng);

+ Nợ phải trả thực tế: 1.335.861.518 đồng;

+ Nguồn kinh phí sự nghiệp: 110.281.000 đồng;

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN

**Hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp tại
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương**

Vào hồi 8h00 ngày 15/10/2017 tại Hội trường Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã tổ chức hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.

Thành phần tham dự:

- Sở Giao thông vận tải: Ông Phạm Văn Phụng – Phó Giám đốc Sở
- Sở Nội vụ: Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội
- Lãnh đạo và toàn thể 33 viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; 08 người lao động đã làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15/10/2017

Chủ trì hội nghị: Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Thư ký hội nghị: Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Nội dung Hội nghị tuyên truyền:

1. Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Phạm Văn Phụng – Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải, quán triệt một nội dung sự cần thiết phải tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.
3. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền chính sách của

GIẤY THÔNG

nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, tập trung vào chính sách của nhà nước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần để Lãnh đạo và toàn thể viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương nắm và hiểu rõ chính sách mà tập thể và cá nhân được hưởng khi cổ phần hóa doanh nghiệp, cụ thể:

Thứ nhất: Các văn bản liên quan đến chế độ chính sách người lao động cần tự nghiên cứu, tìm hiểu, gồm:

- + Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- + Nghị định số: 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- + Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016

Thứ hai, về chính sách ưu đãi cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

3.1 Người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi:

Đơn vị cần xác định 02 mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp để xác định chế độ cho người lao động.

- Thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi cho người lao động:

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, tập trung vào chính sách của nhà nước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần để Lãnh đạo và toàn thể viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương nắm và hiểu rõ chính sách mà tập thể và cá nhân được hưởng khi cổ phần hóa doanh nghiệp, cụ thể:

Thứ nhất: Các văn bản liên quan đến chế độ chính sách người lao động cần tự nghiên cứu, tìm hiểu, gồm:

- + Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;
- + Nghị định số: 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- + Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016

Thứ hai, về chính sách ưu đãi cho người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

3.1 Người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi:

Đơn vị cần xác định 02 mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp để xác định chế độ cho người lao động.

- Thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi cho người lao động:

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Hải Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN

**Hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp tại
Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương**

Vào hồi 8h00 ngày 15/10/2017 tại Hội trường Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã tổ chức hội nghị tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.

Thành phần tham dự:

- Sở Giao thông vận tải: Ông Phạm Văn Phụng – Phó Giám đốc Sở
- Sở Nội vụ: Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội
- Lãnh đạo và toàn thể 33 viên chức, người lao động Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; 08 người lao động đã làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương và chấm dứt hợp đồng lao động ngày 15/10/2017

Chủ trì hội nghị: Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Thư ký hội nghị: Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính tổng hợp Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương.

Nội dung Hội nghị tuyên truyền:

1. Ông Lưu Văn Sơn – Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Phạm Văn Phụng – Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải, quán triệt một nội dung sự cần thiết phải tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp, trước khi chuyển đổi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành công ty cổ phần.
3. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền chính sách của



+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Số cổ phiếu ưu đãi được mua thêm của người lao động, các chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

+ Trường hợp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

+ Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới.

3.2. Được chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định. Mốc xác định là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

3.3. Được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang công ty cổ phần.

3.4. Được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3.5. Người lao động dôi dư tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được hưởng chính sách như đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Yêu cầu Lãnh đạo đơn vị rà soát, xây dựng phương án sử dụng lao động và tính toán các chế độ giải quyết cho người lao động theo quy định trên.

Đề nghị người lao động rà soát, cung cấp đầy đủ các hồ sơ cá nhân còn thiếu và ký xác nhận các hồ sơ liên quan làm cơ sở để lãnh đạo đơn vị tính toán các chế độ cho người lao động đảm bảo đúng quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở Nội vụ, tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp. Thống nhất nội dung bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền, đồng thời nhấn mạnh về mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp. Bổ sung thêm chính sách hiện tại viên chức, người lao động được hưởng theo quy định của Luật viên chức và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

5. Các ý kiến hỏi về chế độ chính sách

- Ông Đỗ Văn Phúc hỏi: Cá nhân ông tại thời điểm 01/11/2017 được nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH theo quy định, vậy việc mua cổ phần ưu đãi của ông có được vận dụng không?

- Ông Nguyễn Phú Nam hỏi: Công tác trong khu vực nhà nước được 13 năm, nhưng đã chuyển công tác đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Chí Linh – 3402D thuộc Công ty TNHH Bình Minh EPC; khi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương – 3401S cổ phần hóa, thì có được mua cổ phần ưu đãi không?

- Ông Nguyễn Viết Tường hỏi về số năm mua cổ phần ưu đãi theo năm làm việc tại khu vực nhà nước và năm cam kết làm việc.

- Ông Phạm Mạnh Hà hỏi: Sau khi cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành Công ty cổ phần thì về tài chính và chuyên môn đơn vị nào quản lý.

Và một số ý kiến khác đã được bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trả lời được 100% viên chức, người lao động của Trung tâm nhất trí.

3.3. Được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang công ty cổ phần.

3.4. Được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập.

3.5. Người lao động dôi dư tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được hưởng chính sách như đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Yêu cầu Lãnh đạo đơn vị rà soát, xây dựng phương án sử dụng lao động và tính toán các chế độ giải quyết cho người lao động theo quy định trên.

Đề nghị người lao động rà soát, cung cấp đầy đủ các hồ sơ cá nhân còn thiếu và ký xác nhận các hồ sơ liên quan làm cơ sở để lãnh đạo đơn vị tính toán các chế độ cho người lao động đảm bảo đúng quy định và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Ông Đỗ Huy Chính - Chánh Văn phòng Sở Nội vụ, tuyên truyền chính sách của nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp. Thống nhất nội dung bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tuyên truyền, đồng thời nhấn mạnh về mốc thời điểm: Xác định giá trị doanh nghiệp và công bố giá trị doanh nghiệp. Bổ sung thêm chính sách hiện tại viên chức, người lao động được hưởng theo quy định của Luật viên chức và các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

5. Các ý kiến hỏi về chế độ chính sách

- Ông Đỗ Văn Phúc hỏi: Cá nhân ông tại thời điểm 01/11/2017 được nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH theo quy định, vậy việc mua cổ phần ưu đãi của ông có được vận dụng không?

- Ông Nguyễn Phú Nam hỏi: Công tác trong khu vực nhà nước được 13 năm, nhưng đã chuyển công tác đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Chí Linh – 3402D thuộc Công ty TNHH Bình Minh EPC; khi Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương – 3401S cổ phần hóa, thì có được mua cổ phần ưu đãi không?

- Ông Nguyễn Viết Tường hỏi về số năm mua cổ phần ưu đãi theo năm làm việc tại khu vực nhà nước và năm cam kết làm việc.

- Ông Phạm Mạnh Hà hỏi: Sau khi cổ phần hoá Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương thành Công ty cổ phần thì về tài chính và chuyên môn đơn vị nào quản lý.

Và một số ý kiến khác đã được bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trả lời được 100% viên chức, người lao động của Trung tâm nhất trí.

+ Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Số cổ phiếu ưu đãi được mua thêm của người lao động, các chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

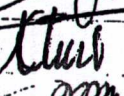
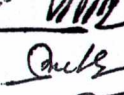
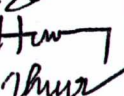
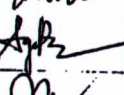
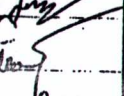
+ Trường hợp chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

+ Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới.

3.2. Được chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định. Mốc xác định là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

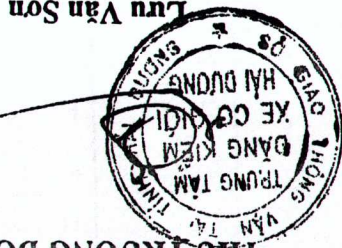
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỀ CỎ PHÂN HOÁ NGÀY 27/11/2017

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày vào Trung tâm Đăng kiểm XCG HD	Chức danh công việc đang làm	Số năm, tháng đóng BHXH (Tính đến hết tháng 11/2017)		Số năm, tháng làm việc trong khu vực Nhà nước (Tính đến hết tháng 11/2017)		Ký xác nhận
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	
1	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Đại học	1995	Giám đốc	34	3	34	3	
2	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Đại học	01/9/2004	Phó Giám đốc	34	9	34	9	
3	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Đại học	01/10/2008	Phó Giám đốc	37	5	37	5	
4	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Sau Đại học	16/4/2009	Phó Giám đốc	11	11	11	1	
5	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Sau Đại học	01/8/1995	TP HCTH	27	5	27	5	
6	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Đại học	02/01/2008	Phó Trưởng phòng HCTH	15	-	9	11	
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/04/1972	Đại học	7/2002	NVNV	27	4	15	5	
8	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Đại học	01/02/2012	NVNV	5	10	5	10	
9	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Đại học	16/4/2009	NVNV	8	8	8	8	
10	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Sau đại học	6/2014	NVNV	11	6	10	1	
11	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Sau đại học	01/9/2013	NVNV	4	3	4	3	
12	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	Đại học	05/2014	NVNV	4	11	4	11	
13	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Đại học	6/2014	NVNV	4	7	3	6	
14	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Đại học	01/8/2004	NVNV	13	4	13	4	
15	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe	6/2002	Lái xe, kiểm bảo vệ	15	6	16	3	
16	Đỗ Đức Lập	01/06/1965	Đại học	01/8/2004	Trưởng phòng KTKĐ	30	1	30	1	
17	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Sau Đại học	5/2009	Phó Trưởng phòng KTKĐ	11	7	11	7	
18	Nguyễn Viết Tường	20/06/1960	Đại học	01/8/1995	Đăng kiểm viên	37	10	37	10	
19	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đại học	16/4/2009	Đăng kiểm viên	11	1	11	1	
20	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đại học	01/11/2006	Đăng kiểm viên	12	6	12	6	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày vào Trung tâm Đăng kiểm XCCG HD	Chức danh công việc đang làm	Số năm, tháng đóng BHXH (Tính đến hết tháng 11/2017)		Số năm, tháng làm việc trong khu vực Nhà nước (Tính đến hết tháng 11/2017)		Ký xác nhận
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	
21	Phan Nhật Trung	22/04/1986	Sau Đại học	16/7/2009	Đăng kiểm viên	8		5		
22	Nguyễn Văn Tuyên	22/09/1984	Sau Đại học	06/11/2012	Đăng kiểm viên	5		5		
23	Nguyễn Duy Huy	03/02/1986	Đại học	06/11/2012	Đăng kiểm viên	5		5		
24	Tại Văn Long	28/08/1983	Đại học	01/02/2012	Đăng kiểm viên	6		5		
25	Nguyễn Văn Thăng	10/11/1983	Đại học	01/02/2012	Đăng kiểm viên	5		8		
26	Nguyễn Trọng Nghiệp	29/08/1989	Đại học	20/9/2013	Đăng kiểm viên	4		3		
27	Lê Thanh Hải	02/09/1984	Đại học	20/9/2013	Đăng kiểm viên	4		4		
28	Nguyễn Hà Phương	28/08/1983	Đại học	5/2014	Đăng kiểm viên	3		4		
29	Nguyễn Xuân Hòa	19/11/1988	Đại học	01/6/2014	Đăng kiểm viên	6		2		
30	Vũ Bình Khánh	31/12/1984	Đại học	10/2014	Đăng kiểm viên	4		3		
31	Hoàng Vinh Phúc	03/09/1992	Đại học	15/11/2015	Đăng kiểm viên	2		1		
32	Dương Công Chi	08/12/1990	Đại học	12/2016	Thực tập	1		-		
Tổng số								379		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

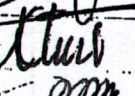
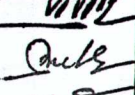
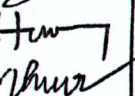
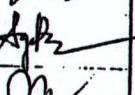
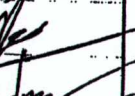
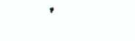


Lưu Văn Sơn

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Minh Đức

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỀ CỎ PHẢN HOÁ NGÀY 27/11/2017**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày vào Trung tâm Đăng kiểm XCG HD	Chức danh công việc đang làm	Số năm, tháng đóng BHXH (Tính đến hết tháng 11/2017)		Số năm, tháng làm việc trong khu vực Nhà nước (Tính đến hết tháng 11/2017)		Ký xác nhận
						Năm	Tháng	Năm	Tháng	
1	Lưu Văn Sơn	17/11/1958	Đại học	1995	Giám đốc	34	3	34	3	
2	Vũ Văn Tuyền	30/04/1963	Đại học	01/9/2004	Phó Giám đốc	34	9	34	9	
3	Hoàng Trọng Khuê	25/11/1962	Đại học	01/10/2008	Phó Giám đốc	37	5	37	5	
4	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/02/1981	Sau Đại học	16/4/2009	Phó Giám đốc	11	11	11	1	
5	Phạm Mạnh Hà	10/06/1973	Sau Đại học	01/8/1995	TP HCTH	27	5	27	5	
6	Phạm Thiên Thăng	10/03/1979	Đại học	02/01/2008	Phó Trưởng phòng HCTH	15	-	9	11	
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/04/1972	Đại học	7/2002	NVNV	27	4	15	5	
8	Vũ Kim Hùng	04/01/1986	Đại học	01/02/2012	NVNV	5	10	5	10	
9	Phạm Thị Thiên Hương	20/10/1984	Đại học	16/4/2009	NVNV	8	8	8	8	
10	Nguyễn Minh Đức	31/07/1983	Sau đại học	6/2014	NVNV	11	6	10	1	
11	Phạm Thị Thu Thủy	07/09/1991	Sau đại học	01/9/2013	NVNV	4	3	4	3	
12	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/07/1989	Đại học	05/2014	NVNV	4	11	4	11	
13	Nguyễn Thị Phương Mai	01/10/1989	Đại học	6/2014	NVNV	4	7	3	6	
14	Nguyễn Công Tuấn	31/05/1978	Đại học	01/8/2004	NVNV	13	4	13	4	
15	Trịnh Hùng Phương	18/08/1970	Lái xe	6/2002	Lái xe, kiểm bảo vệ	15	6	16	3	
16	Đỗ Đức Lạp	01/06/1965	Đại học	01/8/2004	Trưởng phòng KTKĐ	30	1	30	1	
17	Hoàng Đình Tuấn	27/02/1980	Sau Đại học	5/2009	Phó Trưởng phòng KTKĐ	11	7	11	7	
18	Nguyễn Viết Tường	20/06/1960	Đại học	01/8/1995	Đăng kiểm viên	37	10	37	10	
19	Vũ Văn Quảng	13/11/1974	Đại học	16/4/2009	Đăng kiểm viên	11	1	11	1	
20	Bùi Tuấn Đạt	23/01/1979	Đại học	01/11/2006	Đăng kiểm viên	12	6	12	6	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016;

Căn cứ văn bản số 895/UBND-VP ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ danh sách người lao động (gồm cả viên chức, người lao động ký hợp đồng lao động) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi,

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2017

Tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Địa chỉ: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động – Tiền lương - BHXH

2. Đại diện Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương:

- Ông Lưu Văn Sơn - Giám đốc

- Ông Hoàng Trọng Khuê - Phó Giám đốc

- Ông Vũ Văn Tuyền - Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn cơ sở

- Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp

- Ông Nguyễn Minh Đức - Cán bộ Phòng Hành chính Tổng hợp



Đã tiến hành thẩm định hồ sơ của 32 người lao động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 27/11/2017 để xác định thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước của người lao động được tính mua cổ phần với giá ưu đãi

Hồ sơ thẩm định gồm có:

- Hồ sơ làm việc của 32 người lao động: Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, Hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, bằng cấp, các Quyết định tiếp nhận ở đơn vị cũ và Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

- Sổ Bảo hiểm xã hội (kèm theo các tờ rời, bản xác nhận của cơ quan BHXH) của 32 người lao động;

- Các bảng thanh toán tiền lương cho người lao động;

- Danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi.

Kết quả thẩm định như sau: Tổng số lao động là 32 người. Trong đó:

1. Viên chức: 30 người. Trong đó

1.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 30 người với tổng số năm là 362 năm. Cụ thể:

STT	Đơn vị	Số người	Số năm làm việc trong KVNN
1	Giám đốc	1	34
2	Phó Giám đốc	3	82
3	Phòng Hành chính tổng hợp	10	98
4	Phòng Kỹ thuật kiểm định	16	148
Tổng		30	362

1.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

2. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 01 người, trong đó:

2.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là 16 năm.

2.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người.

3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng: 01 người (ký HĐLĐ 12 tháng)

3.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là 1 năm.

3.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

4. Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 12 tháng: 0 người.

Đã tiến hành thẩm định hồ sơ của 32 người lao động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 27/11/2017 để xác định thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước của người lao động được tính mua cổ phần với giá ưu đãi

Hồ sơ thẩm định gồm có:

- Hồ sơ làm việc của 32 người lao động: Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, Hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, bằng cấp, các Quyết định tiếp nhận ở đơn vị cũ và Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

- Sổ Bảo hiểm xã hội (kèm theo các tờ rời, bản xác nhận của cơ quan BHXH) của 32 người lao động;

- Các bảng thanh toán tiền lương cho người lao động;

- Danh sách người lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương, trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi.

Kết quả thẩm định như sau: Tổng số lao động là 32 người. Trong đó:

1. Viên chức: 30 người. Trong đó

1.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 30 người với tổng số năm là 362 năm. Cụ thể:

STT	Đơn vị	Số người	Số năm làm việc trong KVNN
1	Giám đốc	1	34
2	Phó Giám đốc	3	82
3	Phòng Hành chính tổng hợp	10	98
4	Phòng Kỹ thuật kiểm định	16	148
Tổng		30	362

1.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

2. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 01 người, trong đó:

2.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là 16 năm.

2.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người.

3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng: 01 người (ký HĐLĐ 12 tháng)

3.1. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước đủ 12 tháng trở lên: 01 người với tổng số năm là **1 năm**.

3.2. Số người có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước chưa đủ 12 tháng: 0 người

4. Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 12 tháng: 0 người.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2016;

Căn cứ văn bản số 895/UBND-VP ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GTVT thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

Căn cứ danh sách người lao động (gồm cả viên chức, người lao động ký hợp đồng lao động) tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/11/2017 của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương trong đó có 32 người lao động ký xác nhận tổng thời gian làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần ưu đãi,

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2017

Tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương; Địa chỉ: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Thủy – Trưởng phòng Lao động – Tiền lương - BHXH

2. Đại diện Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương;

- Ông Lưu Văn Sơn - Giám đốc

- Ông Hoàng Trọng Khuê - Phó Giám đốc

- Ông Vũ Văn Tuyên - Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn cơ sở

- Ông Phạm Mạnh Hà – Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp

- Ông Nguyễn Minh Đức - Cán bộ Phòng Hành chính Tổng hợp



Vì vậy, số lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi ở Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là 32 người với tổng số năm làm việc trong khu vực Nhà nước được tính mua cổ phần với giá ưu đãi là 379 năm.

(có Danh sách chi tiết của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương kèm theo)

Biên bản được lập xong hồi 11 h cùng ngày, không ai có ý kiến gì khác.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM
XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG**



GIÁM ĐỐC

Lưu Văn Sơn

Công đoàn đơn vị

Vũ Văn Huyền

**ĐẠI DIỆN SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI HẢI DƯƠNG**

Nguyễn Thị Thu Thủy

